Số: 5106/QĐ-UBND
Thời gian ký: 2026-11-18T14:16:15+07:00

Phụ lục IV

DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG

(Kèm theo Quyết định số 5106/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Cơ quan đề xuất/Cơ quan đơn vị quản lý vốn	Mã số dự án đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định lệnh khẩn cấp (kể cả điều chỉnh *(nếu có)*)					Lũy kế vốn đã giải ngân từ đầu tư án đến hết kế hoạch năm 2025			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 -2030 nguồn vốn ngân sách địa phương (Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 28/8/2026)						Chênh lệch		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 -2030 nguồn vốn ngân sách địa phương (sau điều chỉnh)							Ghi chú
					Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:					Tăng	Giảm	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:						
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác					Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương				Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương	
1	*2*	*3*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*
	TỔNG SỐ (A+B+C)						**107.356.861**	**73.588.345**	**33.740.706**	**20.221.153**	**12.574.268**	**7.650.326**	**74.151.871**	**15.831.695**	**25.000.000**	**26.970.000**	**5.500.000**	**850.176**	**13.169.351**	**-10.751.677**	**76.569.545**	**18.249.369**	**25.000.000**	**26.970.000**	**5.500.000**	**850.176**	
A	**DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP GIAI ĐOẠN 2026-2030**						**70.525.532**	**44.888.229**	**25.609.493**	**20.205.213**	**12.558.328**	**7.650.326**	**24.208.671**	**3.068.727**	**13.599.896**	**5.392.821**	**1.917.227**	**230.000**	**5.110.067**	**-955**	**29.317.783**	**3.068.727**	**17.950.620**	**5.391.866**	**2.676.570**	**230.000**	
I	**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG KHẨN CẤP PHỤC VỤ HỘI NGHỊ APEC 2027**						**32.175.965**	**13.892.699**	**18.283.266**	**3.887.797**	**1.378.837**	**2.508.960**	**7.286.946**	**-**	**5.369.719**	**-**	**1.917.227**	**-**	**4.902.712**	**0**	**12.189.658**	**-**	**9.720.443**	**-**	**2.469.215**	**-**	
1	Dự án đầu tư Hồ nước Cửa Cạn	đặc khu Phú Quốc					1.315.508	597.308	718.200	332.000	116.540	215.460	480.735	-	464.008	-	16.727	-	-	0	480.735	-	464.008	-	16.727	-	
+	Dự án đầu tư Hồ nước Cửa Cạn; Dự án thành phần đầu tư xây dựng công trình.		Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang	8159840	2025-2027	số 1797/QĐ-UBND ngày 19/6/2025 của UBND tỉnh	863.577	259.073	604.504	300.000	84.540	215.460	174.500		174.500				0	0	174.500		174.500				
+	Dự án thành phần bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án đầu tư Hồ nước Cửa Cạn		UBND đặc khu Phú Quốc	8160321	2025-2027	số 1512/QĐ-UBND, 14/10/2025 của UBND tỉnh An Giang	451.931	338.235	113.696	32.000	32.000		306.235		289.508		16.727		0	0	306.235		289.508		16.727		
2	Dự án đầu tư Hồ nước Dương Đông 2						3.536.698	2.016.000	1.520.698	237.000	-	237.000	1.429.200	-	456.200	-	973.000	-	586.698	0	2.015.898	-	490.910	-	1.524.988	-	
+	Dự án đầu tư Hồ nước Dương Đông 2 - Dự án thành phần đầu tư xây dựng công trình	đặc khu Phú Quốc	Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang	8159841	2025-2027	số 1834/QĐ-UBND, 10/11/2025 của UBND tỉnh;	1.520.698	456.209	1.064.489	237.000		237.000	456.200		456.200				0	0	456.200		456.200				
+	Dự án thành phần bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án đầu tư Hồ nước Dương Đông 2	đặc khu Phú Quốc	UBND đặc khu Phú Quốc	8160322	2025-2027	số 1815/QĐ-UBND, 19/6/2025; số 4384/QĐ-UBND, 22/9/2026 của UBND tỉnh	2.016.000	1.559.791	456.209	-			973.000				973.000		586.698	0	1.559.698		34.710		1.524.988		
3	Dự án xây dựng kè và san lấp mặt bằng xây dựng Trung tâm tổ chức hội nghị APEC và các công trình chức năng	đặc khu Phú Quốc	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8155457	2025-2027	Số 948/QĐ-TTg ngày 19/5/2025 của TTCP; số 1782/QĐ-UBND ngày 18/6/2025 của UBND tỉnh	1.755.000	526.500	1.228.500	550.652	256.652	294.000	144.617		100.717		43.900		19.531	0	164.148		120.248		43.900		
4	Dự án Đường tỉnh ĐT.975 (đoạn từ ĐT.973 – Cảng hàng không Phú Quốc - ĐT.975 – ĐT.973	đặc khu Phú Quốc					8.224.943	2.467.483	5.757.460	699.000	174.000	525.000	576.000	-	59.000	-	517.000	-	1.544.483	0	2.120.483	-	1.603.483	-	517.000	-	
+	Dự án thành phần xây dựng Đường tỉnh ĐT.975 (đoạn từ ĐT.973 – Cảng hàng không Phú Quốc - ĐT.975 – ĐT.973		Sở Xây dựng tỉnh An Giang	8160209	2025-2027	Số 948/QĐ-TTg ngày 19/5/2025 của TTCP; số 1769/QĐ-UBND ngày 17/6/2025; số 917/QĐ-UBND ngày 09/9/2025; số 4374/QĐ-UBND, 21/9/2026	6.837.312	2.051.194	4.786.118	698.000	173.000	525.000	469.000		59.000		410.000		1.236.194	0	1.705.194		1.295.194		410.000		
+	Dự án thành phần bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường tỉnh ĐT.975 (Đoạn từ ĐT.973 - Cảng hàng không Phú Quốc - ĐT.975 - ĐT.973)		UBND đặc khu Phú Quốc	8160241	2025-2027	Số 1518/QĐ-UBND ngày 14/10/2025 của UBND tỉnh	1.387.631	416.289	971.342	1.000	1.000		107.000				107.000		308.289	0	415.289		308.289		107.000		
5	Dự án tuyến tàu điện đô thị đoạn 1	đặc khu Phú Quốc	Sở Xây dựng tỉnh An Giang		2025-2027	Số 40/NQ-HĐND ngày 24/10/2025 của HĐND tỉnh	8.949.479	1.879.391	7.070.088	1.070.937	125.937	945.000	1.753.000		1.753.000				0	0	1.753.000		1.753.000				
6	Dự án Đại lộ APEC, gồm:						902.960	503.640	399.320	-	-	-	503.600	-	303.600	-	200.000	-	-	0	503.600	-	303.600	-	200.000	-	
+	Dự án thành phần bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đại lộ APEC	đặc khu Phú Quốc	UBND đặc khu Phú Quốc	8160323	2025-2027	số: 1773/QĐ-UBND ngày 17/6/2025	902.960	503.640	399.320	-			503.600		303.600		200.000		0	0	503.600		303.600		200.000		
7	Dự án xây dựng công trình ngầm hoá hạ tầng kỹ thuật khu vực Dương Đông	đặc khu Phú Quốc	Sở Xây dựng tỉnh An Giang	8160185	2025-2027	Số 948/QĐ-TTg ngày 19/5/2025 của TTCP; số 1770/QĐ-UBND ngày 17/6/2025 của UBND tỉnh	550.000	165.000	385.000	182.084	66.584	115.500	93.910				93.910		0	0	93.910				93.910		
8	Dự án xây dựng công trình ngầm hoá hạ tầng kỹ thuật khu vực An Thới	đặc khu Phú Quốc	Sở Xây dựng tỉnh An Giang	8160184	2025-2027	Số 948/QĐ-TTg ngày 19/5/2025 của TTCP; số 1854/QĐ-UBND ngày 20/6/2025 của UBND tỉnh	420.000	126.000	294.000	125.305	53.305	72.000	72.690				72.690		0	0	72.690				72.690		
9	Đầu tư hạ tầng kỹ thuật, chuyển đổi số xây dựng Trung tâm giám sát điều hành thông minh quản lý toàn diện thành phố Phú Quốc	Đặc khu Phú Quốc	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang	8159654	2025-2027	Số 948/QĐ-TTg ngày 19/5/2025 của TTCP; số 1723/QĐ-UBND ngày 15/6/2025 của UBND tỉnh	500.000	150.000	350.000	105.000		105.000	130.000		130.000				0	0	130.000		130.000				
10	Khu tái định cư Cửa Cạn	Đặc khu Phú Quốc	UBND đặc khu Phú Quốc	8160419	2025-2027	số 1768/QĐ-UBND, 17/6/2025; số 4352/QĐ-UBND, 20/9/2026 của UBND tỉnh	1.650.000	1.650.000		256.000	256.000		284.000		284.000				1.110.000	0	1.394.000		1.394.000				
11	Khu tái định cư An Thới	Đặc khu Phú Quốc					1.319.408	1.319.408	-	5.000	5.000	-	150.000	-	150.000	-	-	-	1.150.000	0	1.300.000	-	1.300.000	-	-	-	
+	Dự án thành phần đầu tư xây dựng công trình Khi tái định cư An Thới		UBND đặc khu Phú Quốc	8160420	2025-2027	số 1163/QĐ-UBND, 19/9/2025 của UBND tỉnh;	379.058	379.058		4.000	4.000		70.000		70.000				300.000	0	370.000		370.000				
+	Dự án thành phần bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Khu tái định cư An Thới		UBND đặc khu Phú Quốc	8162779	2025-2027	số 1517/QĐ-UBND, 14/10/2025 của UBND tỉnh;	940.350	940.350		1.000	1.000		80.000		80.000				850.000	0	930.000		930.000				
12	Khu tái định cư Hồ Suối Lớn	Đặc khu Phú Quốc					1.051.969	1.051.969	-	5.819	5.819	-	789.194	-	789.194	-	-	-	252.000	0	1.041.194	-	1.041.194	-	-	-	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Cơ quan đề xuất/Cơ quan đơn vị quản lý vốn	Mã số dự án đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định lệnh khẩn cấp (kể cả điều chỉnh *(nếu có)*)					Lũy kế vốn đã giải ngân từ đầu tư án đến hết kế hoạch năm 2025			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 -2030 nguồn vốn ngân sách địa phương (Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 28/8/2026)						Chênh lệch		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 -2030 nguồn vốn ngân sách địa phương (sau điều chỉnh)						Ghi chú
					Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:					Tăng	Giảm	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác		Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương				Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương	
1	*2*	*3*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*
+	Dự án thành phần đầu tư xây dựng công trình Khu tái định cư hồ Suối Lớn		UBND đặc khu Phú Quốc	8160417	2025-2027	số 1981/QĐ-UBND, 16/11/2025 của UBND tỉnh; số 2941/QĐ-UBND, 26/6/2026 của UBND tỉnh;	308.956	308.956		4.000	4.000		48.000		48.000				252.000	0	300.000		300.000				
+	Dự án thành phần bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Khu tái định cư hồ Suối Lớn		UBND đặc khu Phú Quốc	8166097	2025-2027	số 1981/QĐ-UBND, 16/11/2025 của UBND tỉnh; số 2941/QĐ-UBND, 26/6/2026 của UBND tỉnh;	743.013	743.013		1.819	1.819		741.194		741.194				0	0	741.194		741.194				
13	Khu tái định cư Hàm Ninh	Đặc khu Phú Quốc	UBND đặc khu Phú Quốc	8160418	2025-2027	số 1729/QĐ-UBND, 16/6/2025; số 4354/QĐ-UBND, 20/9/2026 của UBND tỉnh	1.200.000	1.200.000		319.000	319.000		880.000		880.000				0	0	880.000		880.000				
14	Nhà máy xử lý nước thải tập trung khu vực An Thới	Đặc khu Phú Quốc	UBND đặc khu Phú Quốc		2026-2027	số 4309/QĐ-UBND ngày 16/9/2026 của UBND tỉnh	800.000	240.000	560.000										240.000	0	240.000		240.000				
II	**NGÀNH/LĨNH VỰC GIAO THÔNG**						**21.680.853**	**17.965.271**	**3.715.582**	**9.455.192**	**5.819.944**	**3.635.248**	**11.594.807**	**1.730.481**	**6.753.411**	**3.110.915**	**0**	**0**	**0**	**0**	**11.594.807**	**1.730.481**	**6.753.411**	**3.110.915**	**0**	**0**	
1	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ ven biển từ Hòn Đất đi Kiên Lương	xã Kiên Lương, xã Hòn Đất	Sở Xây dựng tỉnh An Giang	7883640	2021-2026	số 2247/QĐ-UBND ngày 21/9/2021; số 502/QĐ-UBND ngày 23/02/2022; 497/QĐ-UBND ngày 07/11/2024 của UBND tỉnh	1.479.922	179.922	1.300.000	1.300.000		1.300.000	179.000			179.000			0	0	179.000			179.000			
2	Đường dẫn ra cảng tổng hợp thành phố Hà Tiên	phường Hà Tiên	UBND Phường Hà Tiên	8093067	2024-2027	96/NQ-HĐND 12/6/2024 của UBND TP. Hà Tiên	1.177.000	877.000	300.000	300.000		300.000	867.400			867.400			0	0	867.400			867.400			
3	Đường ra cửa khẩu quốc tế Hà Tiên	Phường Hà Tiên	UBND phường Hà Tiên	7794195	2020-2026	253/NQ-HĐND, 21/10/2019; 524/NQ-HĐND, 23/12/2020; 169/NQ-HĐND, 08/12/2023 của HĐND tỉnh; số 4432/QĐ-UBND, 24/9/2026 của UBND tỉnh	445.798	445.798		400.135	400.135		45.633	45.633					0	0	45.633	45.633					
4	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường Nguyễn Phúc Chu (Quốc lộ 80) đoạn từ Km206 + 980 đến Km211 + 218,9)	Phường Hà Tiên	UBND phường Hà Tiên	7742397	2019-2026	57/NQ-HĐND 18/7/2022; 95/NQ-HĐND 12/6/2024 của HĐND Tp. Hà Tiên	350.000		350.000	397.768	279.000	118.768	71.000		71.000				0	0	71.000		71.000				
5	Dự án kè chống sạt lở khu dân cư và đường vành đai Nam Đông Hồ, thành phố Hà Tiên	Phường Tô Châu	UBND phường Tô Châu	8065960	2023-2027	80/NQ-HĐND 13/11/2023 của HĐND TP. Hà Tiên	550.000	550.000		331.614	331.614		217.580			217.580			0	0	217.580			217.580			
6	Nâng cấp, mở rộng đường quanh đảo Hòn Đốc (đoạn Bãi Bắc)	Tiên Hải	UBND phường Tô Châu	8123218	2024-2026	4036/QĐ-UBND ngày 23/10/2024	4.200	4.200		1.348	1.348		2.745	2.745					0	0	2.745	2.745					
7	Dự án Đường Võ Trường Toản (đoạn từ đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đến đường Tú Xương và đoạn từ Cổng số 1 đến đường Nguyễn Thái Bình)	Phường Rạch Giá	UBND phường Rạch Giá	8129745	2024-2027	18/NQ-HĐND 26/8/2024 của HĐND TP. Rạch Giá	210.000	210.000		50.000	50.000		155.000		155.000				0	0	155.000		155.000				
8	Đường Trần Văn Giàu (KDC Nam An Hòa - đường Phan Thị Ràng)	Phường Rạch Giá	UBND phường Rạch Giá	7812901	2019-2026	Số 2356/QĐ-UBND ngày 15/10/2019; Số 2085/QĐ-UBND ngày 17/7/2024; Số 1533/QĐ-UBND ngày 29/5/2025 của UBND tỉnh	76.000	76.000		65.000	65.000		11.000		11.000				0	0	11.000		11.000				
9	dự án Cầu Giải Phóng 9, thành phố Rạch Giá	Phường Vĩnh Thông	UBND phường Vĩnh Thông	8035230	2023-2026	02/NQ-HĐND 22/3/2023; 13/NQ-HĐND 25/10/2023; 2715/QĐ-UBND 07/11/2025	870.000	870.000		632.000	632.000		238.000		238.000				0	0	238.000		238.000				
10	Cảng hành khách Quốc tế Phú Quốc	Đặc khu Phú Quốc	UBND đặc khu Phú Quốc	7518929	2015-2026	số 2335/TTg-KTN ngày 19/11/2014; số 56/TB-HĐND ngày 12/3/2015; số 129/NQ-HĐND, 23/6/2023 của HĐND tỉnh;	1.644.728	1.151.310	493.418	1.286.726	245.972	1.040.754	231.000			231.000			0	0	231.000			231.000			
11	Đầu tư xây dựng công trình Cầu trên tuyến đường bộ ven biển kết nối từ An Biên - thành phố Rạch Giá	xã An Biên và phường Rạch Giá	Sở Xây dựng tỉnh An Giang	8078475	2024-2029	số 185/NQ-HĐND ngày 28/12/2023; số 31/NQ-HĐND ngày 05/5/2025 của HĐND tỉnh Kiên Giang;	3.900.000	3.900.000		1.062.000	1.062.000		2.838.000		2.838.000				0	0	2.838.000		2.838.000				
12	Nâng cấp tuyến đường Nam Cần Thảo (từ QL91 đến rừng tràm Trà sư, huyện Tịnh Biên)	xã Châu Phú; phường Tịnh Biên	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7936153	2023-2026	43/NQ-HĐND 08/12/2021	240.919	240.919		148.588	148.588		92.331	92.331					0	0	92.331	92.331					
13	Nâng cấp, mở rộng đường bờ Đông liên xã	xã An Phú	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7955598	2023-2026	43/NQ-HĐND 08/12/2021	144.195	144.195		54.570	54.570		75.365	75.365					0	0	75.365	75.365					
14	Nâng cấp, mở rộng đường Hương lộ 11 (bao gồm tuyến chính và tuyến nhánh đi đến trung tâm xã Tân Lập đấu nối với đường tỉnh 945)	xã Núi Cấm	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7995084	2023-2026	28/NQ-HĐND 11/11/2022	222.393	222.393		94.573	94.573		127.000	127.000					0	0	127.000	127.000					
15	Tuyến tránh sạt lở tỉnh lộ 954 xã Phú An	xã Phú An	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8087122	2025-2027	1014/QĐ-UBND 29/6/2023	70.250	70.250		50.000	50.000		15.690	15.690					0	0	15.690	15.690					
16	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường huyện ĐH.08, xây dựng cầu Đúc kênh Cũ và cầu sắt kênh Ranh làng (Vĩnh Nhuận - Vĩnh Hanh)	Châu Thành (AG)	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8155259	2025-2026	18/QĐ-UBND 11/02/2025	49.269	49.269		6.884	6.884		42.350	42.350					0	0	42.350	42.350					

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Cơ quan đề xuất/Cơ quan đơn vị quản lý vốn	Mã số dự án đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định lệnh khẩn cấp (kể cả điều chỉnh *(nếu có)*)					Lũy kế vốn đã giải ngân từ đầu tư án đến hết kế hoạch năm 2025			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 -2030 nguồn vốn ngân sách địa phương (Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 28/8/2026)						Chênh lệch		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 -2030 nguồn vốn ngân sách địa phương (sau điều chỉnh)							Ghi chú
					Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:					Tăng	Giảm	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:						
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác		Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương				Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương	
1	*2*	*3*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*
17	Xây dựng mới cầu Vĩnh Nhuận - Tân Phú (thuộc tuyến đường ĐH.06)	Châu Thành (AG)	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8155261	2025-2026	56A/QĐ-UBND 25/02/2025	20.463	20.463		8.063	8.063		12.400	12.400					0	0	12.400	12.400						
18	Thảm nhựa tuyến đường Tân Lộ Kiều Lương (02 bên lề xe máy)	Châu Đốc	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8160481	2025-2026	3154//QĐ-UBND ngày 09/06/2025	19.537	19.537		15.000	15.000		2.000	2.000					0	0	2.000	2.000						
19	Nâng cấp các tuyến đường Khu dân cư Bình Đức 1	Long Xuyên	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8124260	2025-2027	3950/QĐ-UBND ngày 29/11/23; 3041/QĐ-UBND ngày 01/4/2025	9.377	9.377		5.000	5.000		4.000	4.000					0	0	4.000	4.000						
20	Nâng cấp đường Nguyễn Văn Linh (đoạn từ Ung Văn Khiêm đến điểm cuối Nguyễn Văn Linh hiện hữu)	Long Xuyên	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8133154	2025-2027	1473/QĐ-UBND 20/2/2025	48.458	48.458		32.458	32.458		16.000	16.000					0	0	16.000	16.000						
21	Đường Lê Trọng Tấn (Đoạn tiếp giáp đường Lê Trọng Tấn đến đường Nguyễn Hữu Tiến hiện trạng)	Long Xuyên	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8132682	2025-2027	1476/QĐ-UBND 20/2/2025	40.830	40.830		4.000	4.000		33.000	33.000					0	0	33.000	33.000						
22	Cầu kênh E (ranh Thoại Sơn - Vĩnh Thạnh)	Thoại Sơn	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8159157	2026-2028	537/QĐ-UBND ngày 20/02/2025	10.000	10.000		250	250		8.111	8.111					0	0	8.111	8.111						
23	Tuyến đường vành đai song song với tuyến ĐT.942	Chợ Mới	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8070554	2023-2026	18/NQ-HĐND ngày 19/12/2023	149.802	149.802		70.802	70.802		79.000	79.000					0	0	79.000	79.000						
24	Nâng cấp các đường khu dân cư Tây Sơn (đường Phan Đình Phùng – đường Nguyễn An Ninh – đường số 5 - đường Ranh)	Thoại Sơn	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8152088	2025-2027	528/QĐ-UBND ngày 20/02/2025	7.000	7.000		1.437	1.437		4.279	4.279					0	0	4.279	4.279						
25	Nâng cấp tuyến đường khóm Phú Hữu (từ tỉnh lộ 943 đến Kênh Rạch Giá Long Xuyên)	Thoại Sơn	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8152090	2025-2027	529/QĐ-UBND ngày 20/02/2025	6.500	6.500		1.017	1.017		4.960	4.960					0	0	4.960	4.960						
26	Nâng cấp mở rộng tuyến bờ bắc Mặc Cần Dện	Thoại Sơn	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8152757	2025-2027	530/QĐ-UBND ngày 20/02/2025	11.500	11.500		3.676	3.676		7.750	7.750					0	0	7.750	7.750						
27	Nâng cấp tuyến đường bờ đông kênh Núi Chóc - Năng Gù (Đoạn từ UBND xã Mỹ Phú Đông đến kênh Trường Tiền)	Thoại Sơn	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8153279	2025-2027	532/QĐ-UBND 20/02/2025	10.967	10.967		2.412	2.412		4.960	4.960					0	0	4.960	4.960						
28	Tuyến ĐH.12 (cầu Bình Hòa-ranh Tri Tôn)	Châu Thành (AG)	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7950343	2022-2026	2334/QĐ-UBND 12/10/2021	74.869	74.869		28.895	28.895		33.309		33.309				0	0	33.309		33.309					
29	Tuyến ĐH.03 (cầu Trà Can - Bình Chánh)	Châu Thành (AG)	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8026698	2023-2026	1866/QĐ-UBND 09/8/2021	21.995	21.995		17.569	17.569		4.426			4.426			0	0	4.426			4.426				
30	Nâng cấp đường tỉnh 949	phường Tịnh Biên	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7583503	2021-2026	số 11/NQ-HĐND ngày 10/7/2020	743.198	743.198		683.198	683.198		60.000		60.000				0	0	60.000		60.000					
31	Xây dựng đường lộ sau từ ranh phường Long Sơn đến ranh xã Phú Lâm	xã Phú Lâm	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8074684	2024-2026	09/NQ-HĐND 05/05/2023	20.564	8.818	11.746	12.119		12.119	8.818	8.818					0	0	8.818	8.818						
32	Nâng cấp cải tạo đường Vòng O	Xã Phú Tân	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8054651	2023-2026	2414/QĐ-UBND 7/7/2022	54.520	54.520		27.525	27.525		2.000	2.000					0	0	2.000	2.000						
33	Dự án: Đường số 8 và Đường số 15 -Khu quy hoạch Bắc Hà Hoàng Hổ	Phường Long Xuyên, tỉnh An Giang	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7880766	2022-2026	2972/QĐ-UBND 18/12/2020; 1163/QĐ-UBND 07/6/2022	12.488	12.488		637	637		10.461	10.461					0	0	10.461	10.461						
34	Đường vào Nhà máy xử lý rác thị trấn Mỹ Luông	Chợ Mới	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7905196	2021-2026	944/QĐ-UBND ngày 10/6/2024	21.033	20.496	537	2.127	2.127		18.000	18.000					0	0	18.000	18.000						
35	Nâng cấp đường Trần Văn Ơn, Đặng Thúc Liêng	Phường Mỹ Thới	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8100149	2023-2026	6082/QĐ-UBND 23/7/2024	7.982	7.982		1.729	1.729		4.400	4.400					0	0	4.400	4.400						
36	Tuyến đê Đông kênh 11 (từ kênh Cây Dương đến kênh Quốc Gia)	Châu Phú	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8070355	2023-2026	3350/QĐ-UBND 25/12/2023	23.979	23.979		994	994		21.195	21.195					0	0	21.195	21.195						
37	Tuyến đường Kênh E	Thoại Sơn	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8047075	2023-2026	2110/QĐ-UBND 19/8/2022	70.657	22.801	47.856	17.839	15.657	2.182	5.268	5.268					0	0	5.268	5.268						
38	Cải tạo mặt đường Vàm Cái Hố	Chợ Mới	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8143666	2025-2026	2149/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	1.023	-	1.023	342		342	681	681					0	0	681	681						
39	Nâng cấp tuyến đường cầu Khai Long dưới ấp Tây Thượng	Chợ Mới	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8147656	2025-2026	2148/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	1.201	795	406	406		406	795	795					0	0	795	795						
40	Đường kênh Long Điền A-B	xã Long Điền	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7852862	2021-2026	01/NQ-HĐND ngày 05/5/2020; 300/QĐ-UBND ngày 06/3/2025	626.863	177.763	449.100	149.180	50.000	99.181	136.255	136.255					0	0	136.255	136.255						

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Cơ quan đề xuất/Cơ quan đơn vị quản lý vốn	Mã số dự án đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định lệnh khẩn cấp (kể cả điều chỉnh *(nếu có)*)					Lũy kế vốn đã giải ngân từ đầu tư án đến hết kế hoạch năm 2025			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 -2030 nguồn vốn ngân sách địa phương (Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 28/8/2026)						Chênh lệch		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 -2030 nguồn vốn ngân sách địa phương (sau điều chỉnh)						Ghi chú
					Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:							TRONG ĐÓ:					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác		Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương	Tăng	Giảm	TỔNG SỐ	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương	
1	*2*	*3*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*
41	Đầu tư xây dựng công trình đường trục chính ven biển vào trung tâm thành phố Hà Tiên	Phường Tô Châu	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8078477	2024-2027	Số 173/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh; Số 1915/QĐ-UBND ngày 24/6/2025 của UBND tỉnh	1.400.000	1.400.000		407.005	407.005		950.000			950.000			0	0	950.000			950.000			
42	Dự án Đường kết nối đê bao ven biển với cầu thứ Ba	xã An Biên; xã Tây Yên	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	7950414	2022-2026	số 38/NQ-HĐND, 27/11/2020; số 03/NQ-HĐND ngày 26/5/2024 của HĐND huyện An Biên.	497.000	74.504	422.496	422.496		422.496	74.500		74.500				0	0	74.500		74.500				
43	Dự án đầu tư xây dựng cầu Ba Hồ xã Vĩnh Hoà Hưng Bắc, huyện Gò Quao	xã Vĩnh Hoà Hưng	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8083058	2024-2027	số 02/NQ-HĐND ngày 29/3/2024; số 03/NQ-HĐND ngày 25/7/2024 của HĐND huyện Gò Quao;	150.000	150.000		82.705	82.705		67.018			67.018			0	0	67.018			67.018			
44	Đường Tám Thước, huyện Kiên Lương	xã Kiên Lương; xã Hòa Điền	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8094845	2023-2027	số 17/NQ-HĐND, 17/11/2022; 19/NQ-HĐND, 31/10/2023 của HĐND huyện Kiên Lương	400.000	400.000		3.855	3.855		396.145	396.145					0	0	396.145	396.145					
45	Đầu tư xây dựng công trình đường ven sông Cái Lớn (trên địa bàn huyện Vĩnh Thuận)	xã Vĩnh Bình	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	7944966	2022-2026	số 25/NQ-HĐND ngày 22/12/2020 của HĐND huyện Vĩnh Thuận; số 20/NQ-HĐND ngày 29/11/2023 của HĐND huyện Vĩnh Thuận;	535.883	196.883	339.000	339.000		339.000	196.832	196.832					0	0	196.832	196.832					
46	Cầu kênh 3, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang	xã Thạnh Đông	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8123817	2024-2026	số 01/NQ-HĐND ngày 10/5/2024 của HĐND huyện Tân Hiệp;	115.000	115.000		40.000	40.000		75.000		75.000				0	0	75.000		75.000				
47	Dự án ĐTXD công trình đường tuyến tránh thị trấn Minh Lương, huyện Châu Thành	xã Châu Thành	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8113544	2024-2027	số 10510/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND huyện Châu Thành	231.700	231.700		2.500	2.500		228.900			228.900			0	0	228.900			228.900			
48	Dự án ĐTXD công trình đường Lâm Quang Ky, huyện Châu Thành	xã Châu Thành; xã Bình An	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8113543	2024-2026	số 10479/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND huyện Châu Thành	79.900	79.900		31.044	31.044		48.856			48.856			0	0	48.856			48.856			
49	Nâng cấp, mở rộng đường huyện Thạnh Lộc ĐH.44	xã Thạnh Hưng	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8127237	2024-2026	số 32/NQ-HĐND ngày 05/8/2024 của HĐND huyện Giồng Riềng	50.000	50.000		20.000	20.000		29.229			29.229			0	0	29.229			29.229			
50	Dự án ĐTXD công trình bờ kè khu đô thị thị trấn Minh Lương, huyện Châu Thành	xã Châu Thành	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8113545	2024-2026	số 10478/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND huyện Châu Thành	75.000	75.000		31.100	31.100		43.872			43.872			0	0	43.872			43.872			
51	Đường kênh 4000 kênh 1 - Lò Rèn xã Tân Thuận	Xã Vĩnh Thuận	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8151000	2025-2026	số 31/NQ-HĐND ngày 19/12/2024 của HĐND huyện Vĩnh Thuận	6.200	6.200		5.300	5.300		900		900				0	0	900		900				
52	Đường Lô 8 xã Vĩnh Bình Bắc	Xã Vĩnh Bình	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8151002	2025-2026	số 31/NQ-HĐND ngày 19/12/2024 của HĐND huyện Vĩnh Thuận	12.700	12.700		4.299	4.299		8.401			8.401			0	0	8.401			8.401			
53	Đường số 5 Khu trung tâm hành chính huyện	U Minh Thượng	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8128712	2024-2026	5209a/QĐ-UBND ngày 16/10/2024 của UBND huyện U Minh Thượng	12.746	12.746		10.877	10.877		1.869			1.869			0	0	1.869			1.869			
54	Đường số 6 Khu trung tâm hành chính huyện	xã U Minh Thượng	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8149691	2024-2026	6027a/QĐ-UBND ngày 23/12/2024; 1265/QĐ-UBND ngày 04/3/2025 của UBND huyện U Minh Thượng	15.000	15.000		12.951	12.951		2.049			2.049			0	0	2.049			2.049			
55	Đường Kênh Ba Sến, xã Thạnh Yên	Xã Vĩnh Hòa	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8137700	2025-2026	6025a/QĐ-UBND ngày 23/12/2024 của UBND huyện U Minh Thượng	1.790	1.790		1.420	1.420		370			370			0	0	370			370			
56	Đường Kênh Xẻo Cạn - Bờ Dừa (từ cầu xã Thạnh Yên đến Cầu kênh Lộ Mới)	xã Vĩnh Hòa	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8142534	2025-2027	32/NQ-HĐND ngày 29/10/2024 của HĐND huyện U Minh Thượng	27.530	27.530		10.500	10.500		17.030			17.030			0	0	17.030			17.030			
57	Đường đấu nối Cầu kênh Ranh kết nối đường tỉnh ĐT.969 của tỉnh Kiên Giang với đường tỉnh ĐT.945 của tỉnh An Giang	Xã Hòn Đất	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8118321	2024-2026	9739-10/10/2024	14.987	14.987	-	208	208		14.770			14.770			0	0	14.770			14.770			
58	Đường Liên xã Tân Thuận-Vĩnh Thuận (kênh Làng Thứ Bày -kênh 3)	xã Vĩnh Thuận	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8158528	2025-2027	Số 940/QĐ-UBND ngày 18/02/2025 của UBND huyện Vĩnh Thuận	77.733	77.733	-	4.230	4.230		73.503			73.503			0	0	73.503			73.503			
59	Đường Liên xã Thị trấn Vĩnh Thuận- Vĩnh Phong (Phạm Thành Lượng-kênh Một Hàng)	xã Vĩnh Phong	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8158530	2025-2027	Số 942/QĐ-UBND ngày 18/02/2025 của UBND huyện Vĩnh Thuận	51.700	51.700	-	1.070	1.070		50.630			50.630			0	0	50.630			50.630			

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Cơ quan đề xuất/Cơ quan đơn vị quản lý vốn	Mã số dự án đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định lệnh khẩn cấp (kể cả điều chỉnh *(nếu có)*)					Lũy kế vốn đã giải ngân từ đầu tư án đến hết kế hoạch năm 2025			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 -2030 nguồn vốn ngân sách địa phương (Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 28/8/2026)						Chênh lệch		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 -2030 nguồn vốn ngân sách địa phương (sau điều chỉnh)							Ghi chú
					Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:							TRONG ĐÓ:						
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác		Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương	Tăng	Giảm	TỔNG SỐ	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương	
1	*2*	*3*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*
60	Đường liên xã Vĩnh Bình Nam-Vĩnh Bình Bắc (Bình Phong -Vĩnh Bình Bắc ĐH 62)	xã Vĩnh Bình	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8158529	2025-2027	Số 941/QĐ-UBND ngày 18/02/2025 của UBND huyện Vĩnh Thuận	70.400	70.400	-	1.297	1.297		69.103			69.103			0	0	69.103			69.103			
61	Dự án đầu tư xây dựng công trình cảng hành khách Rạch Giá, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	Phường Rạch Giá	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	7768577	2019-2026	số 204/NQ-HĐND ngày 22/4/2019; số 165/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Kiên Giang	409.993	409.993		251.955	251.955		157.400	157.400					0	0	157.400	157.400					
62	Đầu tư chỉnh trang đô thị thị trấn Giồng Riềng (đoạn từ cầu Bưu Điện đến cầu vàm kênh Khu C), khu phố 4, thị trấn Giồng Riềng, huyện Giồng Riềng	Giồng Riềng	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8083531	2022-2026	số 22/NQ-HĐND ngày 12/8/2022 của HĐND huyện Giồng Riềng	55.000	55.000		40.304	40.304		14.696	14.696					0	0	14.696	14.696					
63	Đường vòng núi Hòn Me (ngã ba đài truyền hình đến đê biển)	Xã Hòn Đất	UBND xã Hòn Đất	8060081	2023-2026	1657/QĐ-UBND ngày 30/6/2023 của UBND tỉnh Kiên Giang	56.258	56.258		13.250	13.250		43.000	43.000					0	0	43.000	43.000					
64	Đường quanh Hòn Heo - Mũi Dừa (giai đoạn 1)	Phường Tô Châu	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8073167	2023-2026	số 16/NQ-HĐND ngày 17/11/2022 của HĐND huyện Kiên Lương	14.965	14.965		10.000	10.000		4.965	4.965					0	0	4.965	4.965					
65	Đường trục D3 huyện Vĩnh Thuận	Vĩnh Thuận	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8076985	2023-2026	số 15/NQ-HĐND, 24/11/2023 của HĐND huyệnVT;	80.000	80.000		32.149	32.149		45.000	45.000					0	0	45.000	45.000					
66	Đường 286 (Quốc lộ 80 - đê biển)	Xã Bình Sơn	UBND xã Bình Sơn	8010164	2022-2026	số 71/NQ-HĐND ngày 19/8/2021; số 05/NQ-HĐND ngày 31/5/2024 của HĐND huyện Hòn Đất	84.000	84.000		49.647	49.647		10.300	10.300					0	0	10.300	10.300					
67	Dự án Cầu tuyến kênh Chống mỹ - Cầu tuyến Bờ tây sông xáng Xẻo rô	xã An Minh, Long Hòa, Vân Khánh, Đông Hưng	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8109732	2024-2026	số 124/NQ-HĐND ngày 23/8/2024 của HĐND huyện An Minh	35.000	35.000	-	29.800	29.800	-	5.200		5.200				0	0	5.200		5.200				
68	Đường trục Kênh 1 - Tân Điền (từ kênh 5 đến kênh 13 Tân Điền)	xã Hòa Điền	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8109726	2024-2026	Số 32/NQ-HĐND ngày 14/11/2024 của HĐND huyện Kiên Lương	9.000	9000		1.600	1.600	-	7.003		7.003				0	0	7.003		7.003				
69	Cầu Mỹ Thái (vượt kênh Rạch Giá - Hà Tiên)	xã Sơn Kiên	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	7753860	2019-2027	2693/QĐ-UBND, 26/11/2018; 2362/QĐ-UBND, 15/10/2019; 3436/QĐ-UBND, 29/12/2023 của UBND tỉnh	79.543	79.543		44.735	44.735		34.600	34.600					0	0	34.600	34.600					
70	Đường TĐ7 giai đoạn 1	xã Kiên Lương	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8126886	2021-2026	số 04/NQ-HĐND, 29/5/2020; số 41/NQ-HĐND, 05/10/2021; số 06/NQ-HĐND, 15/7/2022; số 04/NQ-HĐND, 09/5/2023; số 21/NQ-HĐND, 24/10/2023	1.500	1.500		873	873		450	450					0	0	450	450					
71	Dự án Đường TĐ8	Xã Kiên Lương	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8128996	2024-2026	số 04/NQ-HĐND, 29/5/2020; số 41/NQ-HĐND, 05/10/2021; số 06/NQ-HĐND, 15/7/2022; số 04/NQ-HĐND, 09/5/2023; số 21/NQ-HĐND, 24/10/2023	9.000	9.000		4.322	4.322		3.510			3.510			0	0	3.510			3.510			
72	Dự án Đường bờ đông Kênh 502	Xã Kiên Lương	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8126887	2024-2026	số 04/NQ-HĐND, 29/5/2020; số 41/NQ-HĐND, 05/10/2021; số 06/NQ-HĐND, 15/7/2022; số 04/NQ-HĐND, 09/5/2023; số 21/NQ-HĐND, 24/10/2023	5.000	5.000		2.018	2.018		2.399			2.399			0	0	2.399			2.399			
73	Đường kênh 200 (ranh TT Hòn Đất-kênh Vàm Răng)	xã Hòn Đất	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8057924	2022-2026	Số 11/NQ-HĐND ngày 18/7/2022; số 05/NQ-HĐND ngày 31/5/2024; số 18/NQ-HĐND ngày 08/7/2024 của HĐND huyện Hòn Đất	6.630	6.630		6.283	6.283		340	340					0	0	340	340					
74	Đường kênh 2 xã Mỹ Thuận – Mỹ Phước (mở rộng + làm mới)	xã Hòn Đất	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8101815	2022-2026	số 06/NQ-HĐND ngày 31/5/2024; số 18/NQ-HĐND ngày 8/7/2024 của HĐND huyện Hòn Đất	5.850	5.850		4.093	4.093		1.410	1.410					0	0	1.410	1.410					
75	Cầu + đường bờ Bắc kênh Rạch Giá + Hà Tiên (GĐ 4 từ kênh 4 đến kênh 6)	xã Hòa Điền	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang		2022-2026	số 42/NQ-HĐND ngày 05/10/2021; số 30/NQ-HĐND ngày 14/11/2024 của HĐND huyện Kiên Lương	14.996	14.996		10.420	10.420		3.200	3.200					0	0	3.200	3.200					
76	Đường bờ tây kênh Tri Tôn (Từ kênh RGHT-kênh 10 xã Nam Thái Sơn)	xã Hòn Đất	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8094851	2024-2026	số 06/NQ-HĐND ngày 31/5/2024 của HĐND huyện Hòn Đất	14.064	14.064		-			2.010	2.010					0	0	2.010	2.010					
77	Tuyến đường Rạch Rùa, xã Vĩnh Hòa Hưng Nam	xã Vĩnh Hòa Hưng	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8117159	2024-2026	số 5165/QĐ-UBND ngày 08/10/2024 của UBND huyện Gò Quao	12.000	12.000		11.266	11.266		733	733					0	0	733	733					

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Cơ quan đề xuất/Cơ quan đơn vị quản lý vốn	Mã số dự án đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định lệnh khẩn cấp (kể cả điều chỉnh *(nếu có)*)					Lũy kế vốn đã giải ngân từ đầu tư án đến hết kế hoạch năm 2025			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 -2030 nguồn vốn ngân sách địa phương (Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 28/8/2026)						Chênh lệch		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 -2030 nguồn vốn ngân sách địa phương (sau điều chỉnh)						Ghi chú
					Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:							TRONG ĐÓ:					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác		Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương	Tăng	Giảm	TỔNG SỐ	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương	
1	*2*	*3*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*
78	Đường KT1, huyện An Minh	xã Đông Hòa	UBND xã Đông Hòa	7560892	2019-2026	124/HĐND-VP ngày 14/4/2016; 30/KL-HĐND ngày 15/02/2019; 167/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh	200.000	200.000		179.997	179.997		17.000	17.000					0	0	17.000	17.000						
79	Đường vào bãi rác	xã Châu Thành; xã Bình An	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang		2024-2026	Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 28/02/2025 của HĐND huyện Châu Thành	13.600	13.600		3.262	3.262		4.275	4.275					0	0	4.275	4.275						
80	Tuyến đường kênh Xẻo Bè (mở rộng)	xã Hòa Hưng	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8142241	2025-2026	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 27/4/2025; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 18/6/2025 của HĐND huyện Giồng Riềng	4.800	4.800		1.103	1.103		3.697	3.697					0	0	3.697	3.697						
81	Dự án đường kênh Rạch Giá - Long Xuyên phía bờ Nam và các cầu trên tuyến, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang	xã Tân Hội	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8101465	2024-2026	Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 28/12/2021; Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 23/11/2023 của HĐND huyện Tân Hiệp	50.000	50.000		23.142	23.142		26.858		26.858				0	0	26.858		26.858				
82	Dự án đường Rạch Đinh, xã Vĩnh Phong	xã Vĩnh Phong	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang		2024-2026	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 21/8/2024 của HĐND huyện Vĩnh Thuận	14.985	14.985		7.827	7.827		7.157	7.157					0	0	7.157	7.157						
83	Bến cập tàu ấp Hòn Ngang xã Sơn Hải	xã Sơn Hải	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8045198	2021-2026	số 04/NQ-HĐND, 29/5/2020; số 41/NQ-HĐND, 05/10/2021; số 06/NQ-HĐND, 15/7/2022; số 04/NQ-HĐND, 09/5/2023; số 21/NQ-HĐND, 21/10/2022; số	4.712	4.712		2.668	2.668		200	200					0	0	200	200						
84	Đầu tư xây dựng đường ven biển phía tây đảo Phú Quốc	đặc khu Phú Quốc	UBND đặc khu Phú Quốc	8078476	2024-2029	số 174/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh	3.200.000	3.200.000		14.172	14.172		3.150.000		3.150.000				0	0	3.150.000		3.150.000				
85	Đường bờ Đông kênh Kiên Hảo (kênh Đập Đá - ranh An Giang)	xã Mỹ Thuận	UBND Xã Mỹ Thuận	8115619	2024-2026	số 06/NQ-HĐND ngày 31/5/2024; số 41/NQ-HĐND ngày 15/11/2024 của HĐND huyện Hòn Đất	8.842	8.842		7.440	7.440		1.402	1.402					0	0	1.402	1.402						
86	Nâng cấp mở rộng tuyến đường GTNT kênh 15	xã Hoà Điền	UBND Xã Hòa Điền	8111646	2024-2026	Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 29/5/2020; số 41/NQ-HĐND ngày 05/10/2021; số 06/NQ-HĐND ngày 15/7/2022; số 04/NQ-HĐND ngày 09/5/2023; số 21/NQ-	13.573	13.573	-	3.127	3.127		7.641		7.641				0	0	7.641		7.641				
87	Cầu kênh 200 (Đường 281B thuộc khu phố Sư Nam)	xã Hòn Đất	UBND Xã Hòn Đất	8115620	2024-2026	số 06/NQ-HĐND ngày 31/5/2024; số 18/NQ-HĐND ngày 8/7/2024; số 41/NQ-HĐND ngày 15/11/2024 của HĐND huyện Hòn Đất	2.793	2.793		-			222	222					0	0	222	222						
III	**Ngành/Lĩnh vực Nông nghiệp - Môi trường**						**7.989.604**	**5.477.484**	**2.512.120**	**2.943.819**	**1.751.881**	**1.191.938**	**2.510.111**	**953.835**	**1.056.276**	**270.000**	**0**	**230.000**	**0**	**0**	**2.510.111**	**953.835**	**1.056.276**	**270.000**	**0**	**230.000**	
1	Dự án phát triển thủy sản bền vững tỉnh Kiên Giang thuộc dự án SFDP.	Tỉnh An Giang	Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang	8015599	2024-2028	67/NQ-HĐND ngày 16/6/2022; Quyết định 1060/QĐ-UBND ngày 28/6/2025	623.725	163.725	460.000	15.150	15.150		378.500		148.500			230.000	0	0	378.500		148.500			230.000	
2	Xây dựng hệ thống cấp nước thô liên huyện An Biên-An Minh-U Minh Thượng-Vĩnh Thuận.	Gò Quao, An Biên, An Minh, U Minh Thượng, Vĩnh Thuận.	Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang	7950375	2021-2026	số 36/NQ-HĐND, 14/11/2021, số 170/NQ-HĐND, 08/12/2023, số 22/NQ-HĐND, 26/6/2024 của HĐND tỉnh; số 999/QĐ-UBND, 08/4/2025, số 2119/QĐ-UBND, 06/7/2026	809.216	375.809	433.407	538.407	105.000	433.407	270.000			270.000			0	0	270.000			270.000			
3	Dự án đầu tư xây dựng 03 cống Đầm Chích, Phú Mỹ, Xẻo Nhàu	xã An Minh, Giang Thành	Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang	8080233	2023-2026	Số 171/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh	600.000	600.000		378.800	378.800		221.000		221.000				0	0	221.000		221.000				
4	Dự án Kè chống sạt lở kết hợp bãi thải nạo vét khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đảo Nam Du	đặc khu Kiên Hải	Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang	8080232	2023-2026	Số 172/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh	430.000	430.000		254.244	254.244		175.750		175.750				0	0	175.750		175.750				
5	Xây dựng tuyến đường vành đai bao quanh Vườn Quốc gia Phú Quốc giai đoạn 1	đặc khu Phú Quốc	Vườn Quốc gia Phú Quốc, tỉnh An Giang	8085294	2024-2026	số 979/QĐ-UBND ngày 25/4/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang;	62.236	62.236		22.398	22.398		38.830		38.830				0	0	38.830		38.830				
6	Dự án Bảo vệ, phát triển và phòng cháy chữa cháy rừng tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025	tỉnh An Giang	Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang	8013468	2021-2026	37/NQ-HĐND ngày 14/11/2021	73.540	13.540	60.000	18.650		18.650	13.540		13.540				0	0	13.540		13.540				

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Cơ quan đề xuất/Cơ quan đơn vị quản lý vốn	Mã số dự án đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định lệnh khẩn cấp (kể cả điều chỉnh *(nếu có)*)					Lũy kế vốn đã giải ngân từ đầu tư án đến hết kế hoạch năm 2025			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 -2030 nguồn vốn ngân sách địa phương (Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 28/8/2026)						Chênh lệch		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 -2030 nguồn vốn ngân sách địa phương (sau điều chỉnh)							Ghi chú
					Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư							TRONG ĐÓ:							TRONG ĐÓ:							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác	TỔNG SỐ	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Nguồn bội chi ngân sách địa phương	Tăng	Giảm	TỔNG SỐ	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương	
1	*2*	*3*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*
7	Dự án Phòng chống xâm thực, xói lở bờ biển đoạn Thứ Hai - Xẻo Bần thuộc An Biên - An Minh, tỉnh Kiên Giang.	xã An Biên - An Minh, tỉnh Kiên Giang	Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang	8072699	2023-2026	150/NQ-HĐND ngày 13/11/2024	250.000		250.000	193.814		193.814	48.947	48.947					0	0	48.947	48.947						
8	Dự án Đầu tư xây dựng 18 cống trên tuyến đê biển, ven biển tỉnh Kiên Giang	xã An Biên, An Minh, Châu Thành, Kiên Giang	Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang	7814373	2019-2026	Số 249/NQ-HĐND ngày 21/10/2019; 87/NQ-HĐND ngày 5/8/2022; 160/NQ-HĐND ngày 8/12/2023 và Quyết định số 1440/QĐ-UBND ngày 21/5/2025	822.723	313.698	509.025	619.664	172.635	447.029	141.058	141.058					0	0	141.058	141.058						
9	Cụm công trình thủy lợi vùng cao Bảy Núi	Tỉnh An Giang	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7867590	2023-2026	4621/QĐ-UBND-TCTL 30/11/2022; số 4233/QĐ-BNN-TL ngày 13/10/2023	516.300	65.800	450.500	10.000	10.000		33.500	33.500					0	0	33.500	33.500						
10	Gia cố sạt lở tuyến kênh Chắc Cà Đao (bờ Bắc và bờ Nam - giai đoạn 2)	xã An Châu	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8103637	2024-2026	*1808/QĐ-UBND 10/11/2023*	75.658	75.658		6.619	6.619		68.900	68.900					0	0	68.900	68.900						
11	Đầu tư mới hạ tầng kỹ thuật Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại Khu xử lý rác thải Phú Thạnh, Phú Tân (200 tấn/ngày)	xã Chợ Vàm	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8142581	2025-2027	số 415/QĐ-UBND ngày 31/3/2025	35.635	35.635		300	300		34.500	34.500					0	0	34.500	34.500						
12	Kè chống sạt lở bảo vệ thành phố Châu Đốc thích ứng với biến đổi khí hậu (đoạn từ Công viên 30/4 - khách sạn Victoria)	Châu Đốc	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8055801	2025-2026	484/QĐ-UBND ngày 05/02/2025	222.390	222.390		-			100.650	100.650					0	0	100.650	100.650						
13	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đê Đông kênh Xã Đội (đoạn từ Cầu xã đội đến kênh Chín Kẹo)	Thoại Sơn	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8106061	2025-2026	1983/QĐ-UBND ngày 26/6/2025	27.000	27.000		12.704	12.704		13.500	13.500					0	0	13.500	13.500						
14	Hệ thống thu gom, xử lý nước thải cụm tuyến dân cư Mỹ An 2	xã Mỹ Hoà Hưng	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8100714	2024-2026	5768/QĐ-UBND ngày 12/7/2024	7.521	7.521		565	565		4.990	4.990					0	0	4.990	4.990						
15	Hệ thống thu gom, xử lý nước thải cụm tuyến dân cư Mỹ Khánh 2	xã Mỹ Hoà Hưng	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8100621	2024-2026	5767/QĐ-UBND 12/7/2024	10.641	10.641		759	759		8.741	8.741					0	0	8.741	8.741						
16	Gia cố đê, kết hợp nâng cấp mặt đường Đông kênh Cống Vong (Giai đoạn 01)	Thoại Sơn	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8152087	2025-2027	527/QĐ-UBND ngày 20/02/2025	3.500	3.500		298	298		3.000	3.000					0	0	3.000	3.000						
17	Khu tái định cư phường Núi Sam	Châu đốc	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8107527	2024-2026	1000/QĐ-UBND ngày 20/03/2024	27.380	27.380		6.206	6.206		14.700	14.700					0	0	14.700	14.700						
18	Cải tạo, sử dụng Ô chôn lấp hợp vệ sinh số 02 – Khu xử lý rác thải Kênh 10 – Châu Đốc	Châu đốc	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8141384	2025-2026	275/QĐ-UBND ngày 17/01/2025	50.841	50.841		890	890		31.000		31.000				0	0	31.000		31.000					
19	Tạo quỹ đất và đầu tư hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung tỉnh An Giang	Long Xuyên	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7940215	2021-2026	số 43/NQ-HĐND, 08/12/2021; số 971/QĐ-UBND ngày 09/09/2025	118.641	118.641		45.000	22.500	22.500	23.700		23.700				0	0	23.700		23.700					
20	Dự án Bố trí ổn định dân cư di dân tự do, biên giới khu vực lộ 20, xã An Nông	phường Tịnh Biên	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7845246	2020-2026	số 01/NQ-HĐND, 05/5/2020; số 25/NQ-HĐND, 22/7/2021	109.519	30.746	78.773	15.500	15.500		11.225	11.225					0	0	11.225	11.225						
21	Đầu tư Kiểm soát lũ Tây sông Hậu, tỉnh An Giang	các xã: Vĩnh An, Vĩnh Hanh, Tây Phú, Óc Eo, Định Mỹ	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7602627	2017-2026	Văn bản số 263/HĐND-TT ngày 03/11/2016; Nhị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 08/12/2020	322.070	155.070	167.000	-			22.000		22.000				0	0	22.000		22.000					
22	Công trình Xử lý sạt lở bờ rạch Ông Chưởng trên Tỉnh lộ 946 thuộc ấp Long Quới II, xã Long Điền, tỉnh An Giang	Xã Long Điền	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8161843	2025-2026	QĐ 1022/QĐ-UBND ngày 20/6/2025; QĐ 441/QĐ-UBND ngày 05/8/2025	18.500	18.500		3.782	3.782		4.738		4.738				0	0	4.738		4.738					
23	Công trình Xử lý sạt lở bờ rạch Ông Chưởng trên Tỉnh lộ 946 thuộc tổ 20, ấp Long Định, xã Long Kiến, tỉnh An Giang	Xã Long Kiến	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8161844	2025-2026	QĐ 1021/QĐ-UBND ngày 20/6/2025; QĐ 440/QĐ-UBND ngày 05/8/2025	22.500	22.500		15.095	15.095		4.236		4.236				0	0	4.236		4.236					
24	Gia cố tạm thời sạt lở đê kênh Thầy cai đường nhựa (đoạn gần nhà ông Nguyễn Văn Tòng)	Chợ Mới	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8143665	2024-2026	2150/QĐ-UBND 10/12/2024	562	562		-			147	147					0	0	147	147						
25	Khu sắp xếp, ổn định dân cư huyện An Phú	Xã An Phú	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8138745	2024-2026	3614/QĐ-UBND ngày 19/6/2025; 767/QĐ-UBND 04/3/2026	59.996	59.996		34.014	34.014		25.982		25.982				0	0	25.982		25.982					
26	Dự án bố trí ổn định dân cư di dân tự do, thiên tai khu vực ấp Thạnh Phú, xã Khánh An	xã Khánh An	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7835381	2021-2026	01/NQ-HĐND 05/5/2020	114.906	11.491	103.415	88.029	11.491	76.538	26.877	26.877					0	0	26.877	26.877						
27	Dự án chống sạt lở bờ biển bảo vệ trung tâm hành chính xã Sơn Hải, huyện Kiên Lương	Xã Sơn Hải	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8092247	2024-2027	số 02/NQ-HĐND ngày 09/5/2023 của HĐND huyện Kiên Lương	432.702	432.702		4.364	4.364		423.000	423.000					0	0	423.000	423.000						
28	Dự án cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh	Tỉnh An Giang	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang	7660880	2015-2026	số 2328/QĐ-UBND, 01/10/2013; 2212/QĐ-UBND, 23/10/2017; 1323/QĐ-UBND, 31/5/2022; số 2593/QĐ-UBND, 20/10/2022; 880/QĐ-UBND, 16/4/2025	755.022	755.022	-	429.403	429.403	-	56.000		56.000				0	0	56.000		56.000					
29	Đầu tư mới trạm cấp nước ấp Bình Minh	xã Vĩnh Bình	Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh An Giang	8064511	2023-2026	542/NQ-HĐND 14/01/2021	250.000	250.000		26.691	26.691		3.300	3.300					0	0	3.300	3.300						

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Cơ quan đề xuất/Cơ quan đơn vị quản lý vốn	Mã số dự án đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định lệnh khẩn cấp (kể cả điều chỉnh *(nếu có)*)					Lũy kế vốn đã giải ngân từ đầu tư án đến hết kế hoạch năm 2025			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 -2030 nguồn vốn ngân sách địa phương (Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 28/8/2026)						Chênh lệch		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 -2030 nguồn vốn ngân sách địa phương (sau điều chỉnh)						Ghi chú
					Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:							TRONG ĐÓ:					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác		Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương	Tăng	Giảm	TỔNG SỐ	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương	
1	*2*	*3*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*
30	Đầu tư mạng đường ống cấp nước đến hộ gia đình sau tuyến ống chính thuộc dự án công trình trữ nước và hệ thống cấp nước sinh hoạt tại các vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng xâm nhập mặn	Tỉnh An Giang	Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh An Giang	8022752	2023-2026	69/NQ-HĐND 16/06/2022	73.880	73.880		71.473	71.473		1.800	1.800					0	0	1.800	1.800					
31	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Đông Hưng, huyện An MInh	An Minh	Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh An Giang	8139340	2025-2026	542/NQ-HĐND 14/01/2021	250.000	250.000		-			15.000	15.000					0	0	15.000	15.000					
32	Kè và san lấp mặt bằng sau kè thuộc dự án Kè chống sạt lở, tạo quỹ đất khu 16ha	Phường Rạch Giá	UBND phường Rạch Giá	8073709	2023-2026	14/NQ-HĐND 25/10/2023; 17/NQ-HĐND 11/12/2023 của HĐND TP. Rạch Giá	813.000	813.000		131.000	131.000		291.000		291.000				0	0	291.000		291.000				
IV	**Lĩnh vực Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp**						**3.198.988**	**2.578.596**	**620.392**	**994.605**	**937.611**	**51.360**	**1.254.027**	**0**	**0**	**1.254.027**	**0**	**0**	**0**	**-955**	**1.253.072**	**0**	**0**	**1.253.072**	**0**	**0**	
1	Trường MG Tân Phú điểm chính (Tân Lợi)	xã Vĩnh An	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8071399	2023-2026	2342/QĐ-UBND 12/10/2021	25.648	18.368	7.280	6.403	3.627	2.776	18.900			18.900			0	0	18.900			18.900			
2	Trường TH A Vĩnh An điểm chính (Vĩnh Quới)	xã Vĩnh An	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8037332	2023-2026	2598/QĐ-UBND ngày 08/11/2021	38.160	28.782	9.378	26.943	24.334	2.609	10.790			10.790			0	0	10.790			10.790			
3	Trường MG Lạc Quới (Vĩnh Thuận)	Tri Tôn	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8101684	2024-2026	2888/QĐ-UBND 03/12/2021; 2055/QĐ-UBND 19/12/2023	30.192	22.807	7.385	12.003	10.865	1.138	12.000			12.000			0	0	12.000			12.000			
4	Trường THCS Cái Dầu	Châu Phú	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7900455	2024-2026	947/QĐ-UBND ngày 07/5/2021; 2216/QĐ-UBND ngày 27/9/2021	12.386	12.386		8.256	7.561	695	1.500			1.500			0	0	1.500			1.500			
5	Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ Chương trình giáo dục phổ thông mới giai đoạn 2021-2025 huyện An Phú	Xã An Phú, Vĩnh Hậu, Nhơn Hội, Khánh Bình và Phú Hữu	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7961663	2024-2027	04-NQ-HĐND 14/4/2022	200.959	157.534	43.425	7.623	4.769	2.854	180.000			180.000			0	0	180.000			180.000			
6	Trường THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	xã An Châu	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7909627	2023-2026	25/NQ-HĐND 22/7/2021; 02/NQ-HĐND 30/03/2023	61.417	61.417		34.249	34.249		18.500			18.500			0	0	18.500			18.500			
7	Trường THPT Vĩnh Bình	xã Vĩnh An	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7892867	2024-2026	494/QĐ-UBND 10/3/2021; 2522/QĐ-UBND 02/11/2021; 832/QĐ-UBND 27/4/2022	27.473	27.473		14.600	14.600		4.500			4.500			0	0	4.500			4.500			
8	Trường THCS Vĩnh Hanh	Vĩnh Hanh	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7977068	2024-2027	2599/QĐ-UBND 08/11/2021	44.256	44.256		300	300		43.956			43.956			0	0	43.956			43.956			
9	Trường THCS Hòa Bình Thạnh điểm chính (Hòa Thạnh)	xã An Châu	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7988714	2024-2026	số 04/NQ-HĐND ngày 14/04/2022	54.209	40.881	13.328	14.137	14.128	9	28.192			28.192			0	0	28.192			28.192			
10	Trường THCS Bình Thạnh	xã Bình Hòa	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8006139	2024-2026	2600/QĐ-UBND 08/11/2021	42.419	31.959	10.460	3.065	3.065		35.900			35.900			0	0	35.900			35.900			
11	Trường THCS Vĩnh Lợi	xã Cần Đăng	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8027342	2024-2026	3008/QĐ-UBND 16/12/2021	25.213	19.469	5.744	14.975	14.136	839	7.000			7.000			0	0	7.000			7.000			
12	Trường THCS Vĩnh An	xã Vĩnh An	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8028963	2024-2026	2704/QĐ-UBND 15/11/2021	30.810	23.335	7.475	16.957	16.457	500	13.094			13.094			0	0	13.094			13.094			
13	Trường THPT Cần Đăng	xã Cần Đăng	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7929817	2024-2026	2647/QĐ-UBND 10/11/2021; 1578/QĐ-UBND 02/10/2023	28.822	28.822		12.635	12.635		16.140			16.140			0	0	16.140			16.140			
14	Trường THCS Phú Thọ	Xã Phú An	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7919109	2023-2026	25/NQ-HĐND 22/7/2021	72.771	57.056	15.715	55.164	50.974	4.190	6.450			6.450			0	0	6.450			6.450			
15	Trường Mầm non Phú Mỹ	Xã Phú Tân	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8020679	2023-2027	43/NQ-HĐND 08/12/2021; 02/NQ-HĐND 30/3/2023	69.752	54.625	15.127	1.827	300	1.527	67.000			67.000			0	-954	66.046			66.046			
16	Trường THCS Tân Trung	Xã Phú Tân	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7988773	2024-2026	2832/QĐ-UBND 26/11/2021; 1823/QĐ-UBND 14/11/2023	33.385	26.300	7.085	12.352	10.915	1.437	15.654			15.654			0	0	15.654			15.654			
17	Trường THCS Long Hòa	Xã Phú Lâm	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7988727	2024-2026	290/QĐ-UBND 18/02/2022; 328/QĐ-UBND 05/3/2024	19.986	15.886	4.100	4.469	3.669	800	12.500			12.500			0	0	12.500			12.500			

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Cơ quan đề xuất/Cơ quan đơn vị quản lý vốn	Mã số dự án đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định lệnh khẩn cấp (kể cả điều chỉnh *(nếu có)*)					Lũy kế vốn đã giải ngân từ đầu tư án đến hết kế hoạch năm 2025			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 -2030 nguồn vốn ngân sách địa phương (Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 28/8/2026)						Chênh lệch		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 -2030 nguồn vốn ngân sách địa phương (sau điều chỉnh)						Ghi chú
					Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:					Tăng	Giảm	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác					Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương				Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương	
1	*2*	*3*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*
18	Trường tiểu học C Quốc Thái điểm phụ (Đồng Ky)	Xã Nhơn Hội	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8171609	2025-2027	16/QĐ-UBND 07/01/2025	4.959	3.756	1.203	-			4.200			4.200			0	0	4.200			4.200			
19	Trường mẫu giáo Quốc Thái điểm chính (Đồng Ky)	Xã Nhơn Hội	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8171608	2025-2027	1740/QĐ-UBND 12/11/2024	27.664	21.486	6.178	461	461		24.000			24.000			0	0	24.000			24.000			
20	Trường mẫu giáo Quốc Thái điểm phụ (Đồng Ky)	Xã Nhơn Hội	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8152086	2025-2027	1739/QĐ-UBND 12/11/2024	3.116	2.480	636	500	500		2.300			2.300			0	0	2.300			2.300			
21	Trường THCS Nguyễn Văn Tây	Chợ Mới	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7878492	2025-2028	01/NQ-HĐND 05/5/2020; 04/NQ-HĐND 14/4/2022; 73/NQ-HĐND 09/12/2024	100.479	100.479		1.836	862	974	89.300			89.300			0	0	89.300			89.300			
22	Trường THCS Lê Hưng Nhượng	Chợ Mới	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7928751	2024-2026	2650/QĐ-UBND 10/11/2021	32.601	25.357	7.244	10.868	9.068	1.800	11.900			11.900			0	0	11.900			11.900			
23	Trường THCS Dương Bình Giang	Chợ Mới	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7879482	2024-2026	1371/QĐ-UBND 16/6/2020; 3065/QĐ-UBND 24/12/2021	28.644	22.179	6.465	9.614	9.614		8.781			8.781			0	0	8.781			8.781			
24	Trường THCS Hoàng Hiệp	Chợ Mới	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7879491	2024-2026	1388/QĐ-UBND 16/6/2020; 3081/QĐ-UBND 24/12/2021	33.122	25.627	7.495	8.493	7.173	1.320	15.149			15.149			0	0	15.149			15.149			
25	Trường THCS Phan Thành Long	Chợ Mới	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7910642	2024-2026	1436/QĐ-UBND 22/6/2020; 289/QĐ-UBND 18/02/2022	29.517	21.695	7.822	2.987	387	2.600	26.511			26.511			0	0	26.511			26.511			
26	Trường THCS Nguyễn Kim Nha	Chợ Mới	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7952966	2024-2026	1522/QĐ-UBND 07/7/2020; 06/QĐ-UBND 04/01/2022	19.334	13.902	5.432	775	194	581	18.537			18.537			0	0	18.537			18.537			
27	Trường THCS Long Giang	Chợ Mới	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7883349	2024-2026	3223/QĐ-UBND 31/12/2019; 3064/QĐ-UBND 24/12/2021	27.903	21.482	6.421	6.426	6.132	294	26.446			26.446			0	-1	26.445			26.445			
28	Trường THCS Tân Tuyến	Tri Tôn	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7962754	2024-2026	2308/QĐ-UBND, 08/10/2021	38.845	30.006	8.839	27.746	25.680	2.066	3.720			3.720			0	0	3.720			3.720			
29	Trường THCS Lạc Quới	Tri Tôn	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8036874	2024-2026	2855/QĐ-UBND 30/11/2021	39.057	28.879	10.178	19.552	17.515	2.037	12.700			12.700			0	0	12.700			12.700			
30	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	Tịnh Biên	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7929115	2024-2026	1089/QĐ-UBND 25/5/2021	41.130	31.155	9.975	1.148	830	318	21.380			21.380			0	0	21.380			21.380			
31	Xây dựng 08 phòng học và thiết bị công trình Trường trung học phổ thông Chi Lăng	Tịnh Biên	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8080817	2024-2026	283/QĐ-UBND 27/02/2024	10.363	10.363		5.389	5.389		2.600			2.600			0	0	2.600			2.600			
32	Trường THPT Huỳnh Thị Hưởng	Xã Hội An	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7909626	2023-2026	25/NQ-HĐND 22/07/2021; 15/NQ-HĐND 13/07/2023	85.696	85.696		28.500	28.500		18.500			18.500			0	0	18.500			18.500			
33	Trường THPT Lương Văn Cù	Xã Nhơn Mỹ	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7865904	2024-2026	2092/QĐ-UBND 03/9/2020	44.850	44.850		30.036	30.036		14.118			14.118			0	0	14.118			14.118			
34	Trường THPT Võ Thành Trinh	Xã Hội An	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7890574	2024-2026	144/QĐ-UBND 26/01/2021	32.700	32.700		17.080	17.080		7.000			7.000			0	0	7.000			7.000			
35	Dự án đầu tư xây dựng cải tạo, sửa chữa nhà vệ sinh và công trình nước sạch cho các điểm trường giai đoạn 2021–2025 trên địa bàn huyện Châu Thành	Châu Thành (AG)	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8034288	2023-2026	43/NQ-HĐND 08/12/2021	228.452	178.480	49.972	979	490	489	5.516			5.516			0	0	5.516			5.516			
36	Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ Chương trình giáo dục phổ thông mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Châu Thành	Châu Thành (AG)	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8036439	2022-2026	04/NQ-HĐND 14/04/2022	94.197	67.779	26.418	10.511	8.666	1.845	57.000			57.000			0	0	57.000			57.000			
37	Trường THCS Thạnh Mỹ Tây	Châu Phú	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7952968	2023-2026	04/NQ-HĐND 14/04/2022	51.752	38.875	12.877	28.848	28.848		9.200			9.200			0	0	9.200			9.200			
38	Trường tiểu học Nguyễn Hiền	Châu đốc	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8160421	2025-2026	3156/QĐ-UBND 09/06/2025	13.006	-	13.006	2.527	2.527		7.090			7.090			0	0	7.090			7.090			
39	Trường THCS Nguyễn Trãi (phần xây dựng mới, cải tạo và cung cấp thiết bị)	Châu đốc	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8160480	2025-2026	3155/QĐ-UBND 09/6/2025	16.074		16.074	2.224	2.224		5.558			5.558			0	0	5.558			5.558			

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Cơ quan đề xuất/Cơ quan đơn vị quản lý vốn	Mã số dự án đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định lệnh khẩn cấp (kể cả điều chỉnh *(nếu có)*)					Lũy kế vốn đã giải ngân từ đầu tư án đến hết kế hoạch năm 2025			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 -2030 nguồn vốn ngân sách địa phương (Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 28/8/2026)						Chênh lệch		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 -2030 nguồn vốn ngân sách địa phương (sau điều chỉnh)						Ghi chú
					Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:					Tăng	Giảm	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác					Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương				Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương	
1	*2*	*3*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*
40	Trường TH A Long An điểm chính (Long Hiệp)	Xã Tân An	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8072283	2024-2026	5825/QĐ-UBND 15/12/2023	8.775		8.775	140	140		5.570			5.570			0	0	5.570			5.570			
41	Trường THCS Vĩnh Hòa	Xã Vĩnh Xương	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7901122	2024-2026	1176/QĐ-UBND 01/6/2021	41.345	31.807	9.538	926	49	877	17.648			17.648			0	0	17.648			17.648			
42	Trường TH B Vĩnh Phú điểm chính (Trung Phú 3)	Thoại Sơn	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8010903	2023-2026	2774/QĐ-UBND 18/11/2021	22.700	16.894	5.806	9.426	8.344	1.082	12.155			12.155			0	0	12.155			12.155			
43	Trường TH A Vĩnh Khánh điểm chính (ấp Vĩnh Lợi)	Thoại Sơn	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8012538	2023-2026	2775/QĐ-UBND 18/11/2021	31.794	24.784	7.010	15.192	13.293	1.899	10.000			10.000			0	0	10.000			10.000			
44	Trường TH Võ Trường Toản	Long Xuyên	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8100616	2024-2026	5678/QĐ-UBND 10/7/2024	14.080		14.080	5.927	5.927		2.661			2.661			0	0	2.661			2.661			
45	Trường mẫu giáo Vành Khuyên	Long Xuyên	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8105019	2024-2026	5743/QĐ-UBND 12/7/2024	8.831		8.831	-	-		5.000			5.000			0	0	5.000			5.000			
46	Trường THCS Mỹ Quý	Long Xuyên	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8098383	2024-2026	5684/QĐ-UBND 10/7/2024	25.505		25.505	5.734	5.734	-	10.281			10.281			0	0	10.281			10.281			
47	Trường THCS Phan Văn Trị	Long Xuyên	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8100615	2024-2026	5687/QĐ-UBND 10/7/2024	20.434		20.434	1.116	1.116	-	14.000			14.000			0	0	14.000			14.000			
48	Trường TH Phan Chu Trinh	Long Xuyên	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8100618	2024-2026	5683/QĐ-UBND 10/7/2024	9.426		9.426	425	425		6.144			6.144			0	0	6.144			6.144			
49	Trường MG Mỹ An điểm chính (Mỹ Long)	xã Mỹ Hòa Hưng	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7879309	2021-2026	2595/QĐ-UBND 08/11/2021	28.984	22.402	6.582	9.130	9.130		18.320			18.320			0	0	18.320			18.320			
50	Dự án ĐTXD cải tạo, sửa chữa nhà vệ sinh và công trình nước sạch cho các trường trên địa bàn huyện Thoại Sơn giai đoạn 2021-2025	Thoại Sơn	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8048461	2023-2026	43/NQ-HĐND 08/12/2021	228.452	178.480	49.972	92	92		9.500			9.500			0	0	9.500			9.500			
51	Trường TH Vĩnh Lợi điểm chính (Hòa Lợi 1)	xã Cần Đăng	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8042959	2022-2026	2642/QĐ-UBND 10/11/2021	41.818	30.539	11.279	8.101	6.459	1.642	29.000			29.000			0	0	29.000			29.000			
52	Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ Chương trình giáo dục phổ thông mới giai đoạn 2021-2025 huyện Tịnh Biên	Phường Tịnh Biên	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7970565	2022-2026	04/NQ-HĐND 14/4/2022	161.361	125.867	35.494	82.733	82.733	-	10.950			10.950			0	0	10.950			10.950			
53	Trường TH Long Hòa điểm chính (Long Hòa 1)	Xã Long Hoà	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8055299	2023-2026	2360/QĐ-UBND 13/10/2021; 2052/QĐ-UBND 18/12/2023	27.341	21.313	6.028	2.527	2.527		10.114			10.114			0	0	10.114			10.114			
54	Trường THCS Phước Hưng	Xã Nhơn Hội	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7961664	2024-2027	04/NQ-HĐND 14/4/2022; 16/NQ-HĐND 19/4/2024	64.273	53.559	10.714	5.453	4.071	1.382	20.000			20.000			0	0	20.000			20.000			
55	Dự án Trường Tiểu học và Trung học cơ sở nội trú Khánh An	tỉnh An Giang	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7981243	2024-2026	15/NQ-HĐND 15/8/2022; 02/NQ-HĐND 30/3/2023	79.370	58.732	20.638	37.883	37.883		18.600			18.600			0	0	18.600			18.600			
56	Nâng cấp, mở rộng Trường trung cấp nghề Châu Đốc	Phường Châu Đốc	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang		2022-2026	25/NQ-HĐND ngày 22/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	75.588	75.588		56.189	50.555		10.800			10.800			0	0	10.800			10.800			
57	Trường mẫu giáo Mỹ Hội Đông điểm chính (Mỹ Đức)	Chợ Mới	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7906732	2022-2026	88/QĐ-UBND 14/01/2022	22.435	17.214	5.221	13.608	11.949	1.659	8.500			8.500			0	0	8.500			8.500			
58	Trường Tiểu học A Vĩnh Xương điểm chính (Ấp 2)	Xã Vĩnh Xương	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7945434	2022-2026	2593/QĐ-UBND 08/11/2021	23.037	20.537	2.500	19.849	17.349	2.500	1.040			1.040			0	0	1.040			1.040			

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Cơ quan đề xuất/Cơ quan đơn vị quản lý vốn	Mã số dự án đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định lệnh khẩn cấp (kể cả điều chỉnh *(nếu có)*)					Lũy kế vốn đã giải ngân từ đầu tư án đến hết kế hoạch năm 2025			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 -2030 nguồn vốn ngân sách địa phương (Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 28/8/2026)						Chênh lệch		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 -2030 nguồn vốn ngân sách địa phương (sau điều chỉnh)							Ghi chú
					Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:					Tăng	Giảm	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:						
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác		Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương				Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương	
1	*2*	*3*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*
59	Trường tiểu học B Vĩnh Hoà điểm chính (Vĩnh Thạnh Đ)	Xã Vĩnh Xương	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7899311	2022-2026	623/QĐ-UBND 29/3/2021	26.307	19.898	6.409	22.562	19.062	3.500	1.066			1.066			0	0	1.066			1.066				
60	Trường tiểu học C Mỹ Hội Đông (Mỹ Hòa B)	Chợ Mới	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7906733	2022-2026	326/QĐ-UBND ngày 23/02/2022	23.617	20.918	2.699	12.018	11.403	615	6.739			6.739			0	0	6.739			6.739				
61	Trường tiểu học B Mỹ Hội Đông (Mỹ Đức)	Chợ Mới	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7878495	2022-2026	2639/QĐ-UBND ngày 10/11/2021	31.761	23.947	7.814	17.922	16.184	1.738	3.000			3.000			0	0	3.000			3.000				
62	Trường MG Long Giang điểm chính (Long Thạnh 2)	Chợ Mới	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7882670	2021-2026	1528/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	14.995	12.095	2.900	1.480	712	768	17.000			17.000			0	0	17.000			17.000				
63	Trường TH Nguyễn Trung Trực	xã Mỹ Hoà Hưng	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8100613	2024-2026	3941/QĐ-UBND 29/11/2023	10.008	10.008		463	463	-	6.537			6.537			0	0	6.537			6.537				
64	Trường tiểu học Nguyễn Bỉnh Khiêm	Phường Long Xuyên	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8100619	2024-2026	3942/QĐ-UBND 29/11/2023	7.645	7.645		1.340	1.340	-	3.160			3.160			0	0	3.160			3.160				
65	Nâng cấp, cải tạo Trường TH Trịnh Hoài Đức	Phường Long Xuyên	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8015918	2023-2026	5286/QĐ-UBND 25/11/2022; 9675/QĐ-UBND 8/11/2024	3.594	3.594		1.661	1.661	-	1.589			1.589			0	0	1.589			1.589				
66	Trường TH B Bình Hòa điểm chính (ấp Bình Phú 1)	xã Bình Hòa	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8115920	2023-2026	357A/QĐ-UBND ngày 09/10/2023	3.173	3.173		1.930	1.930		653			653			0	0	653			653				
67	Trường Tiểu học Vĩnh Phong 3, HM: XDM điểm Đập Đá (06 phòng học, nhà vệ sinh, 01 phòng nghỉ giáo viên, sân nền, thoát nước) điểm Tập trung (01 phòng nghỉ giáo viên) + thiết bị	Xã Vĩnh Phong	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8153113	2025-2027	1417QĐ-UBND, 17/4/2025	7.000	7.000		4.000	4.000		3.000			3.000			0	0	3.000			3.000				
68	Trường TH&THCS Vĩnh Bình Bắc; HM: XDM các phòng, phòng chức năng, phòng hành chính quản trị và các hạng mục phụ trợ + thiết bị	Xã Vĩnh Bình	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8153530	2025-2027	1418/QĐ-UBND, 17/4/2025	9.000	9.000		3.471	3.471		5.520			5.520			0	0	5.520			5.520				
69	Trường TH&THCS Vĩnh Bình Nam 1; HM: Xây dựng mới 04 phòng bộ môn và các hạng mục phụ trợ, cải tạo sửa chữa + thiết bị	Xã Vĩnh Bình	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8153531	2025-2027	1419/QĐ-UBND; 17/4/25	7.000	7.000		4.100	4.100		2.900			2.900			0	0	2.900			2.900				
70	Trường Mẫu giáo Vĩnh Phong, HM: Xây dựng mới 02 phòng học; cải tạo sửa chữa 02 phòng, nhà vệ sinh (điểm Đập Đá); cải tạo sửa chữa 05 phòng chức năng (điểm tập trung) + thiết bị	Xã Vĩnh Phong	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8153114	2025-2027	1420/QĐ-UBND; 17/4/25	5.000	5.000		1.948	1.948		3.052			3.052			0	0	3.052			3.052				
71	Trường Mẫu giáo Vĩnh Bình Nam, HM: Xây dựng mới 02 phòng học; cải tạo sửa chữa 02 phòng, hàng rào, , phòng y tế, nhà kho, nhà bếp, mái che + cải tạo sửa chữa + thiết bị	Xã Vĩnh Bình	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8153112	2025-2027	số 1421/QĐ-UBND, 17/4/2025	4.200	4.200		2.063	2.063		2.137			2.137			0	0	2.137			2.137				
72	Trường Mẫu giáo Phong Đông, HM: Xây dựng mới khối phòng hành chính quản trị, phòng giáo dục nghệ thuật và các hạng mục phụ trợ, cải tạo sửa chữa + thiết bị	Xã Vĩnh Phong	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8153529	2025-2027	số 1422/QĐ-UBND, 17/4/2025	5.700	5.700		1.931	1.931		3.769			3.769			0	0	3.769			3.769				
73	Trường Tiểu học Vĩnh Thuận 1; HM: Xây dựng mới 10 phòng học; Sân nền, hệ thống thoát nước; thiết bị	xã Vĩnh Thuận	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8125457	2024-2026	số 22/NQ-HĐND ngày 25/11/2024; số 08/NQ-HĐND ngày 21/8/2024 của HĐND huyện Vĩnh Thuận	12.000	12.000		8.477	8.477		3.000			3.000			0	0	3.000			3.000				
74	Trường THCS Minh Lương	xã Châu Thành	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8144425	2025-2026	1417/QĐ-UBND ngày 14/4/2025	14.800	14.800	-	3.581	3.581		11.219			11.219			0	0	11.219			11.219				
75	Trường THCS Hòa Điền - Điểm chính	xã Hoà Điền	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8120883	2021-2026	30/NQ-HĐND, ngày 14/11/2024 của HĐND huyện Kiên Lương	6.050	6.050	-	2.206	2.206		3.698			3.698			0	0	3.698			3.698				
76	Dự án Trường THCS thị trấn Thứ 11	xã An Minh	UBND xã An Minh	8062532	2024-2026	Số 100/NQ-HĐND, ngày 24/11/2023 của HĐND huyện An Minh	38.000	38.000	-	22.819	22.819		14.000			14.000			0	0	14.000			14.000				
77	Trường Mầm Non Đông Hưng B	xã An Minh	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8124621	2025-2027	9236/QĐ-UBND, ngày 17/12/2023 của HĐND huyện An Minh	7.000	7.000	-	4.350	4.350		2.650			2.650			0	0	2.650			2.650				
78	Trường Mầm Non Vân Khánh Đông	xã Đông Hưng	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8125454	2025-2027	số 9264/QĐ-UBND, 20/12/2024 của UBND huyện An Minh;	5.500	5.500	-	3.278	3.278		2.222			2.222			0	0	2.222			2.222				
79	Trường mầm non Đông Hưng	Xã An Minh	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8123810	2025-2027	9156/QĐ-UBND,10/12/2024	7.000	7.000	-	3.700	3.700		3.300			3.300			0	0	3.300			3.300				

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Cơ quan đề xuất/Cơ quan đơn vị quản lý vốn	Mã số dự án đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định lệnh khẩn cấp (kể cả điều chỉnh *(nếu có)*)					Lũy kế vốn đã giải ngân từ đầu tư án đến hết kế hoạch năm 2025			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 -2030 nguồn vốn ngân sách địa phương (Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 28/8/2026)						Chênh lệch		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 -2030 nguồn vốn ngân sách địa phương (sau điều chỉnh)							Ghi chú
					Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:							TRONG ĐÓ:						
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác		Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương	Tăng	Giảm	TỔNG SỐ	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương	
1	*2*	*3*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*
80	Dự án Kè, Công viên trường THCS và THPT Nguyễn Văn Xiện, huyện An Minh	Xã Tân Thạnh	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8155272	2025-2027	2193/QĐ-UBND ngày 18/4/2025	20.000	20.000	-	-			19.500			19.500			0	0	19.500			19.500			
81	Nâng cấp, cải tạo Trường Trung cấp nghề Dân tộc nội trú tỉnh Kiên Giang	Xã Long Thạnh	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	7992648	2024-2026	544/NQ-HĐND ngày 14/01/2021 của HĐND tỉnh KG	55.000	55.000		45.000	45.000		10.000			10.000			0	0	10.000			10.000			
82	Trường tiểu học thị trấn Kiên Lương 3 (GĐ2)	xã Kiên Lương	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8081277	2023-2026	30/NQ-HĐND ngày 14/11/2024 của HĐND huyện Kiên Lương	14.885	14.885		12.881	12.881		2.000			2.000			0	0	2.000			2.000			
83	Trường TH Linh Huỳnh, hạng mục: 8 phòng học và các hạng mục phụ khác	xã Hòn Đất	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8089497	2022-2026	Số 36/NQ-HĐND ngày 21/12/2020; số 40/NQ-HĐND ngày 15/12/2023; số 18/NQ-HĐND ngày 08/7/2024	7.284	7.284		-	cam		700			700			0	0	700			700			
84	Trường TH Linh Huỳnh, hạng mục: cổng hàng rào, sân nền, rãnh thoát nước, san lấp mặt bằng	xã Hòn Đất	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8103185	2022-2026	số 06/NQ-HĐND ngày 31/5/2024 của huyện Hòn Đất	4.200	4.200		2.945	2.945		350			350			0	0	350			350			
85	Trường Tiểu học thị trấn Hòn Đất 1	xã Hòn Đất	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8103181	2024-2026	số 06/NQ-HĐND ngày 31/5/2024 của huyện Hòn Đất	14.328	14.328		11.387	11.387		2.900			2.900			0	0	2.900			2.900			
86	Trường TH Hòa Tiến	xax Hòn Đất	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang		2024-2026	số 18/NQ-HĐND ngày 08/7/2024 của HĐND huyện Hòn Đất	7.337	7.337		6.420	6.420		350			350			0	0	350			350			
87	Trường THCS Bình Giang	xã Bình Giang	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang		2023-2026	36/NQ-HĐND ngày 21/12/2020, 18/NQ-HĐND ngày 24/7/2023 của HĐND huyện Hòn Đất	4.936	4.936		4.102	4.102		240			240			0	0	240			240			
88	Dự án Đầu tư Xây dựng Cải tạo, xây mới, mua sắm thiết bị dạy nghề Trường Trung cấp kỹ thuật nghiệp vụ tỉnh Kiên Giang	phường Rạch Giá	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	7948734	2022-2026	số 1062/QĐ-UBND ngày 23/4/2021, số 3027/QĐ-UBND ngày 29/11/2023, số 1447/QĐ-UBND ngày 23/5/2025 của UBND tỉnh;	20.000	20.000		19.166	19.166		779			779			0	0	779			779			
89	Trường TH và THCS Tân Hiệp B , hạng mục: Xây dựng mới nhà Đa năng + san lấp mặt bằng	xã Tân Hiệp	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8123816	2024-2026	Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 07/3/2025 của HĐND huyện Tân Hiệp	3.600	3.600		3.095	3.095		204			204			0	0	204			204			
90	Trường TH và THCS Thạnh Đông A , hạng mục: Xây dựng mới nhà Đa năng + san lấp mặt bằng	xã Thạnh Đông	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8125459	2024-2026	Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 07/3/2025 của HĐND huyện Tân Hiệp	3.600	3.600		2.363	2.363		1.136			1.136			0	0	1.136			1.136			
91	Trường THCS Thạnh Đông , hạng mục: Xây dựng mới nhà Đa năng + san lấp	xã Tân Hiệp	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8125456	2024-2026	Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 07/3/2025 của HĐND huyện Tân Hiệp	3.600	3.600		1.535	1.535		1.784			1.784			0	0	1.784			1.784			
92	Trường tiểu học Bình Minh, hạng mục: xây dựng mới nhà đa năng (điểm chính) + xây dựng mới 06 phòng học (điểm ngã 6); san lấp, sân nền, hệ thống thoát nước, thiết bị	xã Vĩnh Bình	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8115983	2024-2026	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 21/8/2024 của HĐND huyện Vĩnh Thuận	11.000	11.000		7.219	7.219		3.780			3.780			0	0	3.780			3.780			
93	Trường tiểu học Thuận Yên	Phường Tô Châu	UBND phường Tô Châu	8065962	2023-2026	983/QĐ-UBND 20/7/2027; 1888/QĐ-UBND 09/10/2023 của UBND TP Hà Tiên	23.000	23.000		16.283	16.283		6.228			6.228			0	0	6.228			6.228			
V	**Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh**						**98.893**	**98.893**	**-**	**30.000**	**30.000**	**-**	**68.000**	**68.000**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**0**	**68.000**	**68.000**	**-**	**-**	**-**	**-**	
1	dự án Xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa một số hạng mục công trình thuộc Đại đội kho vũ khí - đạn/Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Kiên Giang	Xã Giồng Riềng	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh An Giang	081100045	2026-2028	số 77/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh	98.893	98.893		30.000	30.000		68.000	68.000					0	0	68.000	68.000					
VI	**Công an tỉnh**						**204.689**	**204.689**	**-**	**102.044**	**102.044**	**-**	**87.600**	**87.600**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**0**	**87.600**	**87.600**	**-**	**-**	**-**	**-**	
1	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khuôn viên trụ sở làm việc Công an tỉnh Kiên Giang	Phường Rạch Giá	Công an tỉnh An Giang	081100051	2025-2026	Số 202/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 của UBND tỉnh	55.000	55.000		37.500	37.500		8.000	8.000					0	0	8.000	8.000					
2	Trụ sở làm việc Đội chữa cháy và cứu hộ cứu nạn khu vực Phường Vĩnh Quang thuộc Công an tỉnh Kiên Giang.	Phường Rạch Giá	Công an tỉnh An Giang	220211135	2024-2026	số 1981/QĐ-UBND ngày 20/8/2020; số 913/QĐ-UBND ngày 07/4/2021; số 128/QĐ-UBND ngày 16/7/2024; số 130/QĐ-UBND ngày 05/5/2025 của UBND tỉnh	52.000	52.000		18.000	18.000		28.500	28.500					0	0	28.500	28.500					

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Cơ quan đề xuất/Cơ quan đơn vị quản lý vốn	Mã số dự án đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định lệnh khẩn cấp (kể cả điều chỉnh *(nếu có)*)					Lũy kế vốn đã giải ngân từ đầu tư án đến hết kế hoạch năm 2025			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 -2030 nguồn vốn ngân sách địa phương (Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 28/8/2026)						Chênh lệch		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 -2030 nguồn vốn ngân sách địa phương (sau điều chỉnh)							Ghi chú
					Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:							TRONG ĐÓ:						
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác		Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương	Tăng	Giảm	TỔNG SỐ	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương	
1	*2*	*3*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*
3	Dự án đầu tư xây dựng trụ sở Công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh An Giang	Tỉnh An Giang	Công an tỉnh An Giang	220211135	2022-2025	Số 15/NQ-HĐND, 15/8/2022 của HĐND tỉnh	97.689	97.689		46.544	46.544		51.100	51.100					0	0	51.100	51.100						
VII	**Ban Chỉ huy Biên Phòng tỉnh**						**148.000**	**148.000**	**-**	**80.654**	**80.654**	**-**	**64.590**	**64.590**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**0**	**64.590**	**64.590**	**-**	**-**	**-**	**-**	
1	Trạm Kiểm soát Biên phòng Đồi Mồi	Xã Tiên Hải	Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh An Giang	081100030	2025-2026	số 2587/QĐ-UBND, 11/11/2020; số 389/QĐ-UBND ngày 15/02/2023; số 1955/QĐ-UBND ngày 09/8/2025, QĐ số 194/QĐ-UBND ngày 29/6/2025 của HĐND tỉnh	18.000	18.000		3.904	3.904		14.090	14.090					0	0	14.090	14.090					
2	Dự án đồn Biên phòng Xẻo Nhàu	Xã Tân Thạnh	Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh An Giang	081100013	2023-2027	số 35/NQ-HĐND ngày 14/11/2021 của HĐND tỉnh;	70.000	70.000		20.370	20.370		49.000	49.000					0	0	49.000	49.000					
3	Đồn Biên phòng cửa khẩu cảng Hòn Chông	Xã Kiên Lương	Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh An Giang	220190015	2020-2024	số 150/HĐND-VP, 20/6/2016; số 270/NQ-HĐND, 06/12/2019; số 128/NQ-HĐND, 23/6/2023;	60.000	60.000		56.380	56.380		1.500	1.500					0	0	1.500	1.500					
VIII	**LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC**						**282.901**	**255.091**	**-**	**97.545**	**210.644**	**-**	**114.221**	**114.221**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**0**	**114.221**	**114.221**	**-**	**-**	**-**	**-**	
1	Hội trường lớn huyện U Minh Thượng	xã U Minh Thượng	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8130120	2024-2026	6189 (30/12/2024)	14.263	14.263	-	7.616	7.616		6.647	6.647					0	0	6.647	6.647					
2	Xây dựng mới nhà làm việc các ban của Tỉnh ủy và Đảng ủy khối các cơ quan - Doanh nghiệp tỉnh	Phường Rạch Giá	Văn phòng Tỉnh ủy An Giang	8010519	2022-2026	số 3075/QĐ-UBND, 07/12/2022 của UBND tỉnh;	106.019	106.019		87.729	87.729		13.000	13.000					0	0	13.000	13.000					
3	Dự án Khu di tích căn cứ Tỉnh ủy thời kỳ chống Mỹ cứu nước (1954-1975) tại huyện U Minh Thượng	xã U Minh Thượng	Văn phòng Tỉnh ủy An Giang	7862008	2020-2022	280/NQ-HĐND, 02/01/2020;	151.293	123.483			113.099		85.448	85.448					0	0	85.448	85.448					
4	Dự án Nhà làm việc các phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	Phường Rạch Giá	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8154970	2025-2026	số 1547/QĐ-UBND ngày 02/6/2025 của UBND tỉnh	11.326	11.326		2.200	2.200		9.126	9.126					0	0	9.126	9.126					
IX	**LĨNH VỰC Y TẾ, DÂN SỐ, GIA ĐÌNH**						**2.689.264**	**2.407.411**	**281.853**	**1.820.584**	**1.567.590**	**148.970**	**673.179**	**-**	**-**	**673.179**	**-**	**-**	**-**	**0**	**673.179**	**-**	**-**	**673.179**	**-**	**-**	
1	Bệnh viện Mắt -Tai Mũi Họng - Răng Hàm Mặt tỉnh An Giang	Long Xuyên	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7897516	2023-2026	11/NQ-HĐND 10/7/2020; 16/NQ-HĐND 19/4/2024	367.363	367.363		-			210.510			210.510	-		0	0	210.510			210.510	-		
2	Nâng cấp, cải tạo Trung tâm y tế huyện Châu Phú	Châu Phú	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7985862	2022-2026	2398/QĐ-UBND ngày 30/9/2022	6.860	6.860		615	615		5.590			5.590			0	0	5.590			5.590			
3	Mở rộng khu điều trị nội trú (nội trú 2) Bệnh viện ĐKTTAG	Long Xuyên	Bệnh viện đa khoa trung tâm An Giang	7905785	2024-2027	42/NQ-HĐND 08/12/2020; 02/NQ-HĐND 30/3/2023	196.029	63.146	132.883	5.000	5.000		58.000			58.000			0	0	58.000			58.000			
4	Bệnh viện Ung bướu tỉnh Kiên Giang, quy mô 400 giường.	Phường Rạch Giá	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	7742511	2019-2026	Công văn số 152/HĐND-VP ngày 09/7/2018, Nghị quyết số 500/NQ-HĐND ngày 11/11/2020, Nghị quyết số 162/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	1.347.000	1.347.000		1.034.195	1.034.195		312.000			312.000	-		0	0	312.000			312.000	-		
5	Dự án Trung tâm y tế huyện Châu Thành	xã Châu Thành	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8131233	2024-2026	số 5232/QĐ-UBND ngày 24/10/2024 của UBND huyện Châu Thành	14.800	14.800	0	492	492	0	14.308			14.308			0	0	14.308			14.308			
6	Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng và mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang	Xã Vĩnh Phong	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8013545	2023-2026	96/NQ-HĐND ngày 06/9/202; 09/NQ-HĐND ngày 29/4/2024 của HĐND tỉnh; Quyết định số 1939/QĐ-UBND ngày 25/6/2025 của UBND tỉnh	118.910	19.940	98.970	102.570	3.600	98.970	16.340			16.340			0	0	16.340			16.340			
7	Trung tâm Y tế huyện Giang Thành	xã Giang Thành	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	7660260	2017-2026	236/TB-HĐND ngày 12/10/2015; 502/NQ-HĐND ngày 11/11/2020; 30/NQ-HĐND ngày 14/11/2021; 37/NQ-HĐND ngày 28/8/2024 của HĐND tỉnh	235.606	235.606		192.140	192.140		43.397			43.397			0	0	43.397			43.397			
8	Trung tâm Y tế huyện U Minh Thượng	xã Vĩnh Hòa	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	7660261	2017-2026	234/TB-HĐND ngày 03/10/2017; 501/NQ-HĐND ngày 11/11/2020; 31/NQ-HĐND ngày 14/11/2021; 46/NQ-HĐND ngày 28/8/2024 của HĐND tỉnh	251.700	251.700		242.786	242.786		8.874			8.874			0	0	8.874			8.874			
9	Bệnh viện quân dân y tỉnh An Giang	Phường Long Xuyên	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh An Giang		2021-2026	25/NQ-HĐND 22/7/2021	150.996	100.996	50.000	242.786	88.762	50.000	4.160			4160			0	0	4.160			4160			
XI	**KHU CÔNG NGHIỆP VÀ KHU KINH TẾ**						**432.604**	**316.324**	**116.280**	**211.614**	**177.764**	**33.850**	**50.000**	**50.000**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**0**	**50.000**	**50.000**	**-**	**-**	**-**	**-**	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Cơ quan đề xuất/Cơ quan đơn vị quản lý vốn	Mã số dự án đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định lệnh khẩn cấp (kể cả điều chỉnh *(nếu có)*)					Lũy kế vốn đã giải ngân từ đầu tư án đến hết kế hoạch năm 2025			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 -2030 nguồn vốn ngân sách địa phương (Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 28/8/2026)						Chênh lệch		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 -2030 nguồn vốn ngân sách địa phương (sau điều chỉnh)						Ghi chú
					Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:							TRONG ĐÓ:					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác		Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương	Tăng	Giảm	TỔNG SỐ	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương	
1	*2*	*3*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*
1	Hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Xuân Tô (giai đoạn 1) (công suất 750m3/ngày.đêm)	Tịnh Biên	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8067920	2024-2026	1680/QĐ-UBND ngày 19/10/2023 và số 2128/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh An Giang	71.811	71.811		10.500	10.500		33.000	33.000					0	0	33.000	33.000					
2	Trạm kiểm soát liên hợp cửa khẩu Quốc tế Vĩnh Xương	Xã Tân Châu	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7905197	2021-2026	1342/QĐ-UBND 21/6/2021; 757/QĐ-UBND 18/4/2022; 403/QĐ-UBND 19/3/2024	243.411	127.131	116.280	97.367	63.517	33.850	15.277	15.277					0	0	15.277	15.277					
3	Dự án hạ tầng tái định cư Vĩnh Xương mở rộng	Xã Vĩnh Xương	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang	7819554	2020-2026	Quyết định số 404/QĐ-UBND ngày 28/02/2020, Quyết định số 1080/QĐ-UBND ngày 24/5/2021	86.412	86.412		77.843	77.843		1.000	1.000					0	0	1.000	1.000					
4	Dự án hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu thương mại – Dịch vụ cửa khẩu Khánh Bình (giai đoạn 1, công suất 700m3/ngày đêm)	Xã Khánh Bình	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang	7900262	2021-2026	số 2126/QĐ-UBND ngày 15/9/2021;	30.970	30.970		25.904	25.904		723	723					0	0	723	723					
XII	**LĨNH VỰC VĂN HOÁ; THỂ DỤC THỂ THAO**						**934.847**	**854.847**	**80.000**	**423.367**	**343.367**	**80.000**	**505.190**	**-**	**420.490**	**84.700**	**-**	**-**	**-**	**0**	**505.190**	**-**	**420.490**	**84.700**	**-**	**-**	
1	Xây dựng hệ thống mái che bảo tồn các hố khảo cổ tại khu di tích Óc Eo – Ba Thê	xã Óc Eo	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8160518	2025-2027	Số 442/QĐ-UBND ngày 05/8/2025	44.020	44.020		20.000	20.000		24.000		24.000				0	0	24.000		24.000				
2	Sân Vận động tỉnh An Giang	Long Xuyên	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7910676	2023-2027	- 25/NQ-HĐND 22/7/2021 - 907/QĐ-UBND ngày 02/06/2025	546.534	546.534		157.661	157.661		388.873		388.873		-		0	0	388.873		388.873		-		
3	Dự án: Tạo quỹ đất xây dựng trung tâm đào tạo huấn luyện và thi đấu thể thao tỉnh An Giang	Phường Long Xuyên	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7910677	2022-2026	25/NQ-HĐND 22/7/2021	138.185	138.185		124.397	124.397		7.617		7.617				0	0	7.617		7.617				
4	Trung tâm triển lãm văn hóa nghệ thuật và bảo tồn di sản Văn hóa tỉnh	Phường Rạch Giá	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	7612699	2017-2026	Công văn số 66/HĐND-VP, 31/3/2017, số 513/NQ-HĐND, 08/12/2020, số 45/NQ-HĐND, 24/6/2025, số 1970/QĐ-UBND, 27/6/2025 của UBND tỉnh	206.108	126.108	80.000	121.309	41.309	80.000	84.700			84.700	-		0	0	84.700			84.700	-		
XII	**Bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công để hỗ trợ có mục tiêu cho UBND các xã, phường: An Biên, Tây Yên, Đông Thái và Hà Tiên để thực hiện hoàn thành các dự án chuyển tiếp của cấp huyện (trước sáp nhập) chuyển cho cấp xã**						**688.924**	**688.924**	**-**	**157.992**	**157.992**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**207.355**	**0**	**207.355**	**-**	**-**	**-**	**207.355**	**-**	
1	UBND phường Hà Tiên	phường Hà Tiên	UBND phường Hà Tiên			Công văn số 16579/VP-KT ngày 16/8/2026 của Văn phòng UBND tỉnh	223.132	223.132		73.996	73.996	-	-						110.438	0	110.438				110.438		
-	Trường THCS Bình San giai đoạn 2	phường Hà Tiên	UBND phường Hà Tiên			4319 20/11/2024	13.742	13.742		10.542	10.542								1.951	0	1.951				1.951		
-	Trí đức học xá - nhà lưu niệm Đông Hồ	phường Hà Tiên	UBND phường Hà Tiên			678 16/4/2025	14.400	14.400		11.090	11.090								2.063	0	2.063				2.063		
-	Nhà tang lễ thành phố Hà Tiên (giai đoạn 2)	phường Hà Tiên	UBND phường Hà Tiên			680 16/04/2025	3.540	3.540		2.800	2.800								596	0	596				596		
-	Đường Tỉnh lộ 28 (đoạn từ cầu Ao Sen đến đường Võ Văn Ý)	phường Hà Tiên	UBND phường Hà Tiên			2151 26/11/2025	14.000	14.000		7.780	7.780								6.220	0	6.220				6.220		
-	Nâng cấp, cải tạo đường Phương Thành (đoạn Mạc Tử Hoàng - Rạch Ụ)	phường Hà Tiên	UBND phường Hà Tiên			2086 29/6/2026	80.000	80.000		9.620	9.620								50.380	0	50.380				50.380		
-	Nâng cấp, cải tạo đường Mương Đào	phường Hà Tiên	UBND phường Hà Tiên			2088 29/6/2026	23.375	23.375		8.536	8.536								6.464	0	6.464				6.464		
-	Cải tạo kênh Đồn Tà (đoạn chân núi Pháo Đài - cống Đồn Tà)	phường Hà Tiên	UBND phường Hà Tiên			449 26/03/2025	8.502	8.502		3.300	3.300								5.202	0	5.202				5.202		
-	Nâng cấp, cải tạo đường Nguyễn Công Trứ	phường Hà Tiên	UBND phường Hà Tiên			1149 30/05/2025	19.000	19.000		6.300	6.300								7.390	0	7.390				7.390		
-	Đường và cầu kênh Rạch Ụ	phường Hà Tiên	UBND phường Hà Tiên			1148 30/05/2025	15.000	15.000		5.428	5.428								9.572	0	9.572				9.572		
-	Nâng cấp, cải tạo đường Mạc Thiên Tích nối dài và đường số 06	phường Hà Tiên	UBND phường Hà Tiên			2087 29/6/2026	12.873	12.873		4.100	4.100								6.400	0	6.400				6.400		
-	Trồng cây xanh đường Nguyễn Phúc Chu	phường Hà Tiên	UBND phường Hà Tiên			1779 27/10/2025	8.200	8.200		2.000	2.000								6.200	0	6.200				6.200		
-	Trồng cây xanh đường ra cửa khẩu quốc tế Hà Tiên - Kiên Giang	phường Hà Tiên	UBND phường Hà Tiên			1780 27/10/2025	10.500	10.500		2.500	2.500								8.000	0	8.000				8.000		
2	UBND xã An Biên	xã An Biên	UBND xã An Biên			Công văn số 17703/VP-KT ngày 28/8/2026 của Văn phòng UBND tỉnh	8.300	8.300	-	5.000	5.000		-						2.100	0	2.100				2.100		
-	Trường TH Thị trấn Thứ Ba 2 (2024) 10p	Xã An Biên	UBND xã An Biên			7924;11/11/24	8.300	8.300		5.000	5.000								2.100	0	2.100				2.100		
3	UBND xã Tây Yên	xã Tây Yên	UBND xã Tây Yên			Công văn số 17703/VP-KT ngày 28/8/2026 của Văn phòng UBND tỉnh	107.261	107.261		-			-						83.279	0	83.279				83.279		
-	Đường Thứ 4	xã Tây Yên	UBND xã Tây Yên			04;02/01/2025	14.930	14.930											9.737	0	9.737				9.737		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Cơ quan đề xuất/Cơ quan đơn vị quản lý vốn	Mã số dự án đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định lệnh khẩn cấp (kể cả điều chỉnh *(nếu có)*)					Lũy kế vốn đã giải ngân từ đầu tư án đến hết kế hoạch năm 2025			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 -2030 nguồn vốn ngân sách địa phương (Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 28/8/2026)						Chênh lệch		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 -2030 nguồn vốn ngân sách địa phương (sau điều chỉnh)						Ghi chú
					Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư							TRONG ĐÓ:							TRONG ĐÓ:					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác	TỔNG SỐ	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương	Tăng	Giảm	TỔNG SỐ	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương	
1	*2*	*3*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*
-	Đường Thứ Hai	xã Tây Yên	UBND xã Tây Yên			7163;30/10/24	14.986	14.986											9.386	0	9.386				9.386		
-	Xây dựng mới các cầu trên tuyến đường Thứ Hai	xã Tây Yên	UBND xã Tây Yên			7299;06/11/2024	12.484	12.484											9.684	0	9.684				9.684		
-	Đường Thứ 3 (Lộ Phụ)	xã Tây Yên	UBND xã Tây Yên			05; 02/01/2025	13.769	13.769											10.829	0	10.829				10.829		
-	Trường TH Tây Yên A1	xã Tây Yên	UBND xã Tây Yên			12;03/01/2025	12.641	12.641											10.593	0	10.593				10.593		
-	Trường TH Tây Yên A2	xã Tây Yên	UBND xã Tây Yên			893; 14/01/2025	9.933	9.933											7.092	0	7.092				7.092		
-	Trường TH Nam Yên 2	xã Tây Yên	UBND xã Tây Yên			25; 07/01/2025	13.618	13.618											13.117	0	13.117				13.117		
-	Trường TH Nam Yên 3	xã Tây Yên	UBND xã Tây Yên			24;07/10/2025	14.900	14.900											12.841	0	12.841				12.841		
4	UBND xã Đông Thái	xã Đông Thái	UBND xã Đông Thái			Công văn số 17703/VP-KT ngày 28/8/2026 của Văn phòng UBND tỉnh	11.538	11.538		-			-						11.538	0	11.538				11.538		
-	Dự án trường TH Đông Thái 3 (Điểm chính)	Xã Đông Thái	UBND xã Đông Thái			7934/QĐ-UBND ngày 13/11/2024 của UBND huyện An Biên	11.538	11.538											11.538	0	11.538				11.538		
B	**DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI GIAI ĐOẠN 2026-2030**						**24.515.570**	**16.384.357**	**8.131.213**	**15.940**	**15.940**	**-**	**11.649.047**	**2.619.628**	**4.085.278**	**4.944.141**	**-**	**-**	**1.850.257**	**-**	**13.499.304**	**4.006.889**	**4.088.249**	**5.404.166**	**-**	**-**	
I	**NGÀNH/LĨNH VỰC GIAO THÔNG**						**11.792.403**	**6.697.531**	**5.094.872**	**-**	**-**	**-**	**3.487.507**	**199.750**	**2.673.863**	**613.894**	**-**	**-**	**310.846**	**0**	**3.798.353**	**510.596**	**2.673.863**	**613.894**	**-**	**-**	
1	Dự án Nâng cấp, mở rộng đường ĐT.963 đoạn QL80 – Vị Thanh qua huyện Tân Hiệp và huyện Giồng Riềng nối với huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ	Xã Giồng Riềng	Sở Xây dựng tỉnh An Giang		2026-2031	số 40/NQ-HĐND ngày 28/8/2026 của HĐND tỉnh An Giang	5.290.450	2.585.450	2.705.000				2.585.450		2.585.450				0	0	2.585.450		2.585.450				
2	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ ven biển kết nối tỉnh Kiên Giang với tỉnh Cà Mau	Tỉnh An Giang	Sở Xây dựng tỉnh An Giang		2026-2031	số 2062/QĐ-UBND ngày 28/6/2025; số 4110/QĐ-UBND ngày 28/8/2026 của UBND tỉnh	2.982.477	601.101	2.381.376				613.894			613.894			0	0	613.894			613.894			
3	dự án Đường Nguyễn Văn Linh nối dài (đoạn từ đường Nguyễn Văn Linh hiện hữu đến hết Khu Liên hợp thể dục thể thao tỉnh An Giang dài 1200m)	Phường Long Xuyên	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang		2026-2029	Số 4276/QĐ-UBND ngày 14/9/2026 của UBND tỉnh	305.846	305.846		-			-						305.846	0	305.846	305.846					
4	Nâng cấp mở rộng Đường tỉnh 954 (phân đoạn tuyến từ ranh thị trấn Phú Mỹ - xã Phú Thọ đến bến phà Năng Gù)	Xã Phú Tân – xã Bình Thạnh Đông	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang		2025-2027	Số 38/QĐ-UBND ngày 03/01/2025; số 1153/QĐ-UBND ngày 27/3/2025 của UBND huyện Phú Tân	104.160	95.664	8.496	-			104.000	104.000					0	0	104.000	104.000					
5	Dự án Đường Phạm Cự Lượng (đoạn từ bến xe Long Xuyên đến tuyến tránh Long Xuyên)	phường Long Xuyên	UBND phường Long Xuyên		2026-2028	Số 3601/QĐ-UBND, 28/7/2026 của UBND tỉnh	88.470	88.470		-			88.413		88.413				0	0	88.413		88.413				
6	Dự án tuyến đường Khu căn cứ Tỉnh uỷ xã Vĩnh Tuy	xã Vĩnh Tuy	UBND Xã Vĩnh Tuy		2026-2028	Số 928/QĐ-UBND ngày 6/4/2026 của UBND xã Vĩnh Tuy	71.000	71.000		-			71.000	71.000					0	0	71.000	71.000					
7	Dự án Cầu An Phú - Phú Hữu	An Phú - Phú Hữu	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang																5.000	0	5.000	5.000					
8	Đầu tư xây dựng cảng tổng hợp phường Hà Tiên (giai đoạn 1)	phường Hà Tiên	UBND Phường Hà Tiên		2026-2030	1507/QĐ-UBND 27/6/2025 của UBND TP Hà Tiên	2.950.000	2.950.000		-			24.750	24.750					0	0	24.750	24.750					
II	**Ngành/Lĩnh vực Nông nghiệp - Môi trường**						**3.961.716**	**2.948.700**	**1.013.016**	**3.743**	**3.743**	**-**	**2.892.489**	**687.790**	**1.371.380**	**833.319**	**-**	**-**	**2.971**	**0**	**2.895.460**	**687.790**	**1.374.351**	**833.319**	**-**	**-**	
1	Dự án nước sạch nông thôn gắn với chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và chiến lược quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Tỉnh An Giang	Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh An Giang	8070119	2025-2029	735/QĐ-SNNPTNT 30/10/2023; 1360/QĐ-UBND 15/5/2025	902.987	902.987		2.215	2.215		896.800		63.481	833.319			0	0	896.800		63.481	833.319			
2	Trung tâm điều hành hệ thống cấp nước nông thôn	Tỉnh An Giang	Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh An Giang	8158532	2025-2027	1323/QĐ-UBND 12/5/2025	60.000	60.000		287	287		54.000		54.000				0	0	54.000		54.000				
3	Dự án Chống ngập và chống hạn vùng đệm U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang	Xã U Minh Thượng	Chi cục thuỷ lợi tỉnh An Giang	8155465	2025-2027	Số 1392/QĐ-UBND ngày 16/5/2025; số 4513/QĐ-UBND, 01/10/2026 của UBND tỉnh	66.033	66.033		-			65.000		65.000				0	0	65.000		65.000				
4	Dự án phục vụ công tác bảo vệ, phát triển rừng, phòng cháy và chữa cháy rừng của Ban Quản lý rừng An Giang - Khu vực I	Tỉnh An Giang	Ban Quản lý rừng An Giang - Khu vực I	8205907	2025-2028	Số 483/QĐ-UBND ngày 04/02/2026; số 4789/QĐ-UBND ngày 21/10/2026 của UBND tỉnh	37.279	37.279		-			37.270	37.270					0	0	37.270	37.270					
5	Dự án Quản lý tổng hợp vùng ven biển đồng bằng sông Cửu Long, giai đoạn II	Tỉnh An Giang	Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang	8199138	2027-2030	Số 2673/QĐ-UBND ngày 08/6/2026 của UBND tỉnh	1.330.927	320.882	1.010.045				320.000	320.000					0	0	320.000	320.000					
6	Dự án Chống chịu khí hậu và chuyển đổi tổng hợp vùng Đồng bằng sông Cửu Long tỉnh An Giang	Tỉnh An Giang	Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang			Số 180/QĐ-BQLDA ngày 10/7/2026 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT	35.793	35.793																			
7	Dự án Thí điểm kè sinh thái bờ kênh xáng Xẻo Rô trên địa bàn xã Tây Yên, tỉnh An Giang	Xã Tây Yên	Chi cục thuỷ lợi tỉnh An Giang		2026-2027	số 4434/QĐ-UBND ngày 23/9/2026 của UBND tỉnh	5.942	2.971	2.971				-						2.971	0	2.971		2.971				
8	Dự án Khu tái định cư đường Võ Trường Toản	Phường Rạch Giá	UBND phường Rạch Giá		2026-2029	16/NQ-HĐND 11/12/2023 của HĐND TP Rạch Giá; 41/QĐ-UBND 13/02/2026 của UBND P. Rạch Giá	320.000	320.000		-			320.000		320.000				0	0	320.000		320.000				

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Cơ quan đề xuất/Cơ quan đơn vị quản lý vốn	Mã số dự án đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định lệnh khẩn cấp (kể cả điều chỉnh *(nếu có)*)					Lũy kế vốn đã giải ngân từ đầu tư án đến hết kế hoạch năm 2025			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 -2030 nguồn vốn ngân sách địa phương (Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 28/8/2026)						Chênh lệch		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 -2030 nguồn vốn ngân sách địa phương (sau điều chỉnh)							Ghi chú
					Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:							TRONG ĐÓ:						
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác		Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương	Tăng	Giảm		Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương	
1	*2*	*3*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*
9	Dự án Khu tái định cư Nam An Hòa (giai đoạn 3)	Phường Rạch Giá	UBND phường Rạch Giá		2026-2029	11/NQ-HĐND 26/02/2024; 164/QĐ-UBND 07/10/2025 của UBND P.Rạch Giá	315.000	315.000		-			315.000		315.000				0	0	315.000		315.000				
10	Kè chống sạt lở bảo vệ trung tâm đô thị phường Hà Tiên	Phường Hà Tiên	UBND phường Hà Tiên	8171207	2026-2029	số 1209/QĐ-UBND ngày 06/4/2026 của UBND phường Hà Tiên	300.000	300.000		640	640		299.360	299.360					0	0	299.360	299.360					
11	Dự án đầu tư bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng và sửa chữa khu cứu hộ động vật hoang dã tại Vườn Quốc gia U Minh Thượng giai đoạn 2026 – 2030	Tỉnh An Giang	Vườn Quốc gia U Minh Thượng, tỉnh An Giang		2026-2028	Số 3472/QĐ-UBND ngày 21/7/2026 của UBND tỉnh	90.000	90.000		-			90.000		90.000				0	0	90.000		90.000				
12	dự án Hệ thống hồ trữ nước khu vực nông thôn	Tỉnh An Giang	Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh An Giang	8158533	2025-2029	1324/QĐ-UBND 12/5/2025	279.636	279.636		-			279.000		279.000				0	0	279.000		279.000				
13	Rà phá bom mìn, vật nổ phục vụ công tác phòng cháy chữa cháy rừng, phát triển rừng và dân sinh vùng đồi núi huyện Tri Tôn và thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang giai đoạn 2025 - 2026	Tỉnh An Giang	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang		2024-2026	số 3929/QĐ-UBND ngày 19/8/2026 của UBND tỉnh	31.162	31.162		-			31.160	31.160					0	0	31.160	31.160					
14	Dự án "Mua sắm máy móc, trang thiết bị chuyên dùng phục vụ công tác đo đạc, lập phương án bồi thường; giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; phát triển quỹ đất; đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận; vận hành cơ sở dữ liệu đất đai"	Tỉnh An Giang	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang		2025-2026	số 2988/QĐ-UBND ngày 12/11/2024 của UBND tỉnh	21.775	21.775		-			21.000		21.000				0	0	21.000		21.000				
15	Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:2000 và 1:5000 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Tỉnh An Giang	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang		2024-2027	số 192/NQ-HĐND ngày 29/4/2024 của HĐND tỉnh	144.283	144.283		601	601		143.000		143.000				0	0	143.000		143.000				
16	Dự án xử lý sạt lở đê biển, bờ biển từ vàm Kim Quy đến kênh Mương Đào thuộc xã Vân Khánh, tỉnh An Giang	xã Vân Khánh	Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang		2026-2028	Số 3084/QĐ-UBND, 02/7/2026 của UBND tỉnh	20.899	20.899					20.899		20.899				0	0	20.899		20.899				
III	**Lĩnh vực Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp**						**3.442.128**	**2.236.103**	**1.206.025**	**7.180**	**7.180**	**-**	**1.999.643**	**-**	**-**	**1.999.643**	**-**	**-**	**310.025**	**0**	**2.309.668**	**-**	**-**	**2.309.668**	**-**	**-**	
1	Dự án Mua sắm thiết bị tối thiểu lớp: 5, 8, 9, 11, 12; thiết bị giáo dục quốc phòng; thiết bị khoa học tự nhiên (Trung học cơ sở); phòng học bộ môn Lý, Hóa, Sinh, Công nghệ (Trung học phổ thông); thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin; Chương trình Giáo dục phổ thông 2018	Tỉnh An Giang	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang		2025-2027	số 1048/QĐ-UBND ngày 15/9/2025 của UBND tỉnh	270.000	270.000		-			270.000			270.000			0	0	270.000			270.000			
6	Dự án cải tạo, sửa chữa, xây mới và mua sắm trang thiết bị trường Trung học phổ thông Nguyễn Trung Trực, thành phố Rạch Giá	Phường Rạch Giá	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8160028	2025-2026	Số 2022/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của UBND tỉnh Kiên Giang	63.080	63.080		980	980		62.100			62.100			0	0	62.100			62.100			
3	Trường THPT Trần Văn Thành	xã Châu Phú	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang		2026-2028	Số 4067/QĐ-UBND ngày 27/8/2026 của UBND tỉnh	150.000	150.000		-			-						150.000	0	150.000			150.000			
4	Trường tiểu học A Cái Dầu	xã Châu Phú	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang		2027-2029	Số 4066/QĐ-UBND ngày 27/8/2026 của UBND tỉnh	18.468	18.468					-						18.468	0	18.468			18.468			
5	Trường THCS và THPT Võ Văn Kiệt	Phường Rạch Giá	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang		2026-2028	số 4743/QĐ-UBND ngày 16/10/2026 của UBND tỉnh	20.000	20.000	-	-			-						20.000	0	20.000			20.000			
6	Trường THPT chuyên Huỳnh Mẫn Đạt	Phường Rạch Giá	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang		2026-2028	số 4744/QĐ-UBND ngày 16/10/2026 của UBND tỉnh	36.557	36.557		-			-						36.557	0	36.557			36.557			
7	Trường THPT Hòa Lạc	Hoà Lạc	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang		2026-2028	129/QĐ-UBND, 06/02/2025	9.793	9.793		201	201		9.500			9.500			0	0	9.500			9.500			
8	Trường THPT Nguyễn Quang Diêu	Tân An	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8131489	2026-2028	131/QĐ-UBND 06/02/2025	9.866	9.866		617	617		9.100			9.100			0	0	9.100			9.100			
9	Dự án Trường THCS và THPT Phú Tân	Phú Tân	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang		2026-2028	963/QĐ-UBND 11/6/2025	16.540	16.540		199	199		14.820			14.820			0	0	14.820			14.820			
10	Trang bị bổ sung thiết bị dạy học tối thiểu phục vụ Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cho các trường học trên địa bàn tỉnh An Giang	Tỉnh An Giang	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8160401	2026-2028	861/QĐ-UBND 28/5/2025	166.442	166.442		177	177		165.745			165.745			0	0	165.745			165.745			
11	Trường PTNT TH&THCS Vĩnh Xương	xã Vĩnh Xương	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang		2026-2027	Số 2653/QĐ-UBND, 05/6/2026 của UBND tỉnh	288.051	34.051	254.000				34.051			34.051			0	0	34.051			34.051			
12	Trường PTNT TH&THCS An Phú	xã An Phú	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang		2026-2027	Số 2653/QĐ-UBND, 05/6/2026 của UBND tỉnh	217.325	20.418	196.907				20.418			20.418			0	0	20.418			20.418			
13	Trường PTNT TH&THCS Ba Chúc	xã Ba Chúc	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang		2026-2027	Số 2653/QĐ-UBND, 05/6/2026; Số 2759/QĐ-UBND, 12/6/2026 của UBND tỉnh	186.064	22.814	163.250				22.814			22.814			0	0	22.814			22.814			
14	Trường PTNT TH&THCS Phú Hữu	xã Phú Hữu	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang		2026-2027	Số 2653/QĐ-UBND, 05/6/2026 của UBND tỉnh	225.367	12.264	213.103				12.264			12.264			0	0	12.264			12.264			
15	Trường PTNT TH&THCS Nhơn Hội	xã Nhơn Hội	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang		2026-2027	Số 2653/QĐ-UBND, 05/6/2026 của UBND tỉnh	214.267	21.267	193.000				21.267			21.267			0	0	21.267			21.267			
16	Trường PTNT TH&THCS Vĩnh Điều	xã Vĩnh Điều	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang		2026-2027	Số 2653/QĐ-UBND, 05/6/2026 của UBND tỉnh	190.000	5.000	185.000				5.000			5.000			0	0	5.000			5.000			
17	Trường tiểu học A Quốc Thái điểm phụ (Quốc Phú)	xã Nhơn Hội	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang		2025-2027	151/QĐ-UBND 12/02/2025	3.240	2.475	765	-			3.240			3.240			0	0	3.240			3.240			
18	Trường MG Bình Phú điểm chính (Bình An)	Châu Phú	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang		2023-2026	116/QĐ-UBND ngày 20/01/2022; 3059/QĐ-UBND ngày 30/6/2026	44.899	44.899		-			44.899			44.899			0	0	44.899			44.899			

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Cơ quan đề xuất/Cơ quan đơn vị quản lý vốn	Mã số dự án đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định lệnh khẩn cấp (kể cả điều chỉnh *(nếu có)*)					Lũy kế vốn đã giải ngân từ đầu tư án đến hết kế hoạch năm 2025			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 -2030 nguồn vốn ngân sách địa phương (Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 28/8/2026)						Chênh lệch		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 -2030 nguồn vốn ngân sách địa phương (sau điều chỉnh)						Ghi chú
					Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:					Tăng	Giảm	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác		Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương				Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương	
1	*2*	*3*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*
19	Trường THCS An Châu	Châu Thành (AG)	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang		2027-2030	số 04/NQ-HĐND, 14/04/2022; Quyết định số 3526/QĐ-UBND, 23/7/2026 của UBND tỉnh	141.900	141.900		-			141.400			141.400			0	0	141.400			141.400			
20	Trường TH B Mỹ Phú điểm phụ (Mỹ An)	Châu Phú	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang		2025-2027	1721/QĐ-UBND 07/11/2024	3.038	3.038		-			3.030			3.030			0	0	3.030			3.030			
21	Trường Mầm non Thuận Yên	Phường Tô Châu	UBND phường Tô Châu	8065961	2025-2028	984/QĐ-UBND 20/7/2023 của UBND TP. Hà Tiên; 528/QĐ-UBND 21/8/2025 của UBND P. Tô Châu	32.000	32.000		850	850		31.150			31.150			0	0	31.150			31.150			
22	Trường tiểu học Vĩnh Trung điểm phụ (Vĩnh Đông)	xã An Cư	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang		2025-2027	147/QĐ-UBND 11/02/2025	4.306	4.306		-			4.306			4.306			0	0	4.306			4.306			
23	Trường THCS Bình Long	Châu Phú	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang		2025-2028	số 3060/QĐ-UBND, 30/6/2026	63.375	63.375		-	-		63.375			63.375			0	0	63.375			63.375			
24	Trường THCS Tân Phú	xã Vĩnh An	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang		2026-2028	3058/QĐ-UBND, 30/6/2026	44.662	44.662		-			44.662			44.662			0	0	44.662			44.662			
25	Trường tiểu học A Quốc Thái điểm chính (Đồng Ky)	Xã Nhơn Hội	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang		2027-2029	Số 3509/QĐ-UBND, 23/7/2026 của UBND tỉnh	29.925	29.925		-			29.925			29.925			0	0	29.925			29.925			
26	Dự án ĐTXD Ký túc xá sinh viên	xã Bình An	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8148415	2027-2030	Số 4906/QĐ-UBND ngày 29/10/2026 của UBND tỉnh An Giang;	859.676	859.676		4.156	4.156		855.000			855.000			0	0	855.000			855.000			
27	Dự án Đầu tư các hạng mục còn lại của Trường chính trị Tôn Đức Thắng theo quy hoạch tổng thể mặt bằng 1/500	Phường Mỹ Thới	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang		2027-2030	số 3536/QĐ-UBND, 23/7/2026 của UBND tỉnh	133.287	133.287		-			131.577			131.577			0	0	131.577			131.577			
IV	**Lĩnh vực khoa học và công nghệ**						**1.945.964**	**1.945.964**	**-**	**350**	**350**	**-**	**953.231**	**937.231**	**-**	**16.000**	**-**	**-**	**992.297**	**0**	**1.945.528**	**1.929.528**	**-**	**16.000**	**-**	**-**	
1	Dự án: "Đầu tư Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến tại các sở, ban ngành tỉnh Kiên Giang và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh Kiên Giang"	Tỉnh An Giang	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang	8159106	2024-2026	số 2991/QĐ-UBND ngày 13/11/2024; số 1224/QĐ-UBND ngày 28/4/2025 của UBND tỉnh	16.428	16.428		350	350		16.000			16.000			0	0	16.000			16.000			
2	Dự án "Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến cấp xã và hệ thống camera giám sát Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã"	Tỉnh An Giang	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang		2026-2028	Số 2674/QĐ-UBND ngày 09/6/2026 của UBND tỉnh	78.511	78.511		-			78.511	78.511					0	0	78.511	78.511					
3	Dự án Chỉnh lý, số hóa tài liệu lưu trữ tồn đọng do sắp xếp chức bộ máy của hệ thống chính trị địa phương trong các cơ quan đảng tỉnh An Giang	Tỉnh An Giang	Văn phòng Tỉnh ủy An Giang		2026-2028	Số 3284/QĐ-UBND, 13/7/2026 của UBND tỉnh	80.000	80.000					80.000	80.000					0	0	80.000	80.000					
4	Dự án Chỉnh lý tài liệu lưu trữ tồn đọng, tích đống và số hóa tài liệu lưu trữ của các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh An Giang sau sắp xếp tổ chức bộ máy, giai đoạn 2026 – 2030	Tỉnh An Giang	Sở Nội vụ tỉnh An Giang		2026-2029	Số 4442/QĐ-UBND ngày 25/9/2026 của UBND tỉnh	572.297	572.297					-						572.297	0	572.297	572.297					
5	Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng trên địa bàn tỉnh An Giang	Tỉnh An Giang	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang		2026-2029	Số 3586/QĐ-UBND, 27/7/2026 của UBND tỉnh	267.000	267.000					267.000	267.000					0	0	267.000	267.000					
6	Trung tâm An ninh mạng tỉnh An Giang	tỉnh An Giang	Công an tỉnh An Giang		2026-2028	số 2967/QĐ-UBND, 26/6/2026 của UBND tỉnh	241.728	241.728		-			241.720	241.720					0	0	241.720	241.720					
7	Dự án Đầu tư nâng cấp Phòng giám sát camera Công an tỉnh thành Trung tâm thông tin chỉ huy tác chiến điện tử Công an tỉnh phục vụ Hội nghị APEC 2027 và công tác đảm bảo an ninh trật tự	tỉnh An Giang	Công an tỉnh An Giang		2026-2027	Số 2682/QĐ-UBND ngày 09/6/2026 của UBND tỉnh	270.000	270.000		-			270.000	270.000					0	0	270.000	270.000					
8	Dự án triển khai camera AI giám sát trên toàn tỉnh	tỉnh An Giang	Công an tỉnh An Giang		2026-2028	số 4397/QĐ-UBND ngày 22/9/2026 của UBND tỉnh	420.000	420.000					-						420.000	0	420.000	420.000					
V	**Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh**						**68.657**	**68.657**	**-**	**-**	**-**	**-**	**23.657**	**23.657**	**-**	**-**	**-**	**-**	**45.000**	**0**	**68.657**	**68.657**	**-**	**-**	**-**	**-**	
1	Dự án xây dựng trận địa pháo PK 37mm Ban Chỉ huy Quân sự thành phố Phú Quốc thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh kiên Giang	Đặc khu Phú Quốc	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh An Giang		2026-2028	Số 129/QĐ-UBND ngày 05/5/2025 của UBND tỉnh	23.657	23.657		-			23.657	23.657					0	0	23.657	23.657					
2	Dự án sang lấp mặt bằng, xây dựng thao trường huấn luyện và khu tăng gia sản xuất, chế biến của Trung đoàn BB892	Tỉnh An Giang	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh An Giang		2026-2028	Số 224/QĐ-UBND ngày 26/8/2026 của UBND tỉnh	45.000	45.000		-			-						45.000	0	45.000	45.000					
VI	**Ban Chỉ huy Biên Phòng tỉnh**						**57.995**	**57.995**	**-**	**348**	**348**	**-**	**40.845**	**40.845**	**-**	**-**	**-**	**-**	**17.000**	**0**	**57.845**	**57.845**	**-**	**-**	**-**	**-**	
1	Tiểu đoàn huấn luyện - cơ động	Phường Vĩnh Thông	Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh An Giang		2025-2026	Số 193/QĐ-UBND ngày 29/6/2025 của UBND tỉnh Kiên Giang	3.000	3.000		148	148		2.850	2.850					0	0	2.850	2.850					
2	Nâng cấp, Cải tạo sửa chữa Đại đội cơ động	Phường Tịnh Biên	Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh An Giang		2026-2028	Số 225/QĐ-UBND ngày 26/8/2026 của UBND tỉnh	17.000	17.000		-			-						17.000	0	17.000	17.000					
3	Đồn Biên phòng Tây Yên	Xã Tây Yên	Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh An Giang		2026-2028	số 55/QĐ-UBND ngày 11/4/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang;	23.000	23.000		-			23.000	23.000					0	0	23.000	23.000					
4	Dự án Hệ thống cầu truyền hình giao ban trực tuyến phục vụ chỉ đạo, điều hành và phát triển hạ tầng công nghệ thông tin trong lực lượng Bộ đội Biên phòng	tỉnh An Giang	Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh An Giang		2025-2026	Số 192/QĐ-UBND ngày 29/6/2025 của UBND tỉnh Kiên Giang	14.995	14.995		200	200		14.995	14.995					0	0	14.995	14.995					
VII	**Công an tỉnh**						**1.085.300**	**458.000**	**627.300**	**-**	**-**	**-**	**458.000**	**458.000**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**0**	**458.000**	**458.000**	**-**	**-**	**-**	**-**	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Cơ quan đề xuất/Cơ quan đơn vị quản lý vốn	Mã số dự án đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định lệnh khẩn cấp (kể cả điều chỉnh *(nếu có)*)					Lũy kế vốn đã giải ngân từ đầu tư án đến hết kế hoạch năm 2025			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 -2030 nguồn vốn ngân sách địa phương (Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 28/8/2026)						Chênh lệch		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 -2030 nguồn vốn ngân sách địa phương (sau điều chỉnh)							Ghi chú
					Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:							TRONG ĐÓ:						
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác		Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương	Tăng	Giảm	TỔNG SỐ	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương	
1	*2*	*3*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*
1	Dự án đóng mới 01 Tàu chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ trên biển cho Công an tỉnh	tỉnh An Giang	Công an tỉnh An Giang		2025-2028	Số 1472/QĐ-UBND ngày 13/10/2025 của UBND tỉnh	395.000	316.000	79.000	-			316.000	316.000					0	0	316.000	316.000					
2	Đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc Công an đặc khu Phú Quốc	đặc khu Phú Quốc	Công an tỉnh An Giang		2025-2028	Số 800/QĐ-BCA-H01 ngày 10/02/2026 của Bộ Công an	607.000	124.000	483.000	-			124.000	124.000					0	0	124.000	124.000					
3	Đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc Công an thành phố Hà Tiên	Phường Hà Tiên	Công an tỉnh An Giang		2026-2028	Số 2648/QĐ-BCA-H01 ngày 08/5/2023 của Bộ Công an	83.300	18.000	65.300				18.000	18.000					0	0	18.000	18.000					
VIII	**Lĩnh vực phát thanh và Truyền hình tỉnh**						**115.742**	**115.742**	**-**	**1.000**	**1.000**	**-**	**114.000**	**114.000**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**0**	**114.000**	**114.000**	**-**	**-**	**-**	**-**	
1	Dự án Hệ thống tòa nhà trang âm, thiết bị phim trường có khán giả và hạng mục phụ	phường Rạch Giá	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8126400	2025-2028	Số 82/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh	115.742	115.742		1.000	1.000		114.000	114.000					0	0	114.000	114.000					
IX	**LĨNH VỰC Y TẾ, DÂN SỐ, GIA ĐÌNH**						**1.326.345**	**1.326.345**	**-**	**669**	**669**	**-**	**1.175.985**	**-**	**-**	**1.175.985**	**-**	**-**	**150.000**	**0**	**1.325.985**	**-**	**-**	**1.325.985**	**-**	**-**	
1	Dự án đầu tư Hệ thống chụp mạch máu xóa nền (DSA) cho các bệnh viện tuyến tỉnh	Tỉnh An Giang	Sở Y tế An Giang		2025-2026	Số 632/QĐ-UBND ngày 20/8/2025 của UBND tỉnh An Giang	89.609	89.609		106	106		89.609			89.609			0	0	89.609			89.609			
2	Đầu tư Hệ thống chụp cắt lớp vi tính ≥ 512 lát cắt (CT Scanner ≥ 256 lát cắt/vòng quay) cho Bệnh viện đa khoa An Giang	Tỉnh An Giang	Sở Y tế An Giang		2025-2026	Số 627/QĐ-UBND ngày 20/8/2025 của UBND tỉnh An Giang	52.825	52.825		100	100		52.925			52.925			0	0	52.925			52.925			
3	Dự án đầu tư thiết bị y tế cho Trung tâm y tế Châu Phú	Tỉnh An Giang	Sở Y tế An Giang		2025-2026	Số 625/QĐ-UBND ngày 20/8/2025 của UBND tỉnh An Giang	5.260	5.260		200	200		5.000			5.000			0	0	5.000			5.000			
4	Dự án đầu tư hệ thống máy chạy thận nhân tạo cho các cơ sở y tế	Tỉnh An Giang	Sở Y tế An Giang		2025-2026	Số 626/QĐ-UBND ngày 20/8/2025 của UBND tỉnh An Giang	34.799	34.799		63	63		34.799			34.799			0	0	34.799			34.799			
5	Đầu tư thiết bị y tế cho Bệnh viện đa khoa Y dược cổ truyền - Phục hồi chức năng An Giang	Tỉnh An Giang	Sở Y tế An Giang		2025-2026	Số 635/QĐ-UBND ngày 20/8/2025 của UBND tỉnh An Giang	12.745	12.745		200	200		12.545			12.545			0	0	12.545			12.545			
6	Dự án đầu tư thiết bị y tế cho các Trung tâm Y tế trên địa bàn tỉnh An Giang	Tỉnh An Giang	Sở Y tế An Giang		2026-2028	Số 4594/QĐ-UBND ngày 07/10/2026 của UBND tỉnh	150.000	150.000		-			-						150.000	0	150.000			150.000			
7	Dự án Nâng cấp, sửa chữa, cải tạo cơ sở vật chất và mua sắm thiết bị cho Trung tâm Y tế Phú Quốc	Đặc khu Phú Quốc	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang		2026-2027	Số 2699/QĐ-UBND ngày 09/6/2026 của UBND tỉnh	149.968	149.968		-			149.968			149.968			0	0	149.968			149.968			
8	Đầu tư thiết bị y tế chuyên dùng cho bệnh viện Ung Bướu Kiên Giang	phường Rạch Giá	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang		2026-2029	Số 3499/QĐ-UBND, 22/7/2026 của UBND tỉnh	235.897	235.897		-			235.897			235.897			0	0	235.897			235.897			
9	Đầu tư mở rộng Bệnh viện đa khoa Châu Đốc (Xây mới khu điều trị nội trú 300 giường)	Phường Châu Đốc	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang		2027-2030	2700/QĐ-UBND 09/6/2026 của UBND tỉnh	506.338	506.338		-			506.338			506.338			0	0	506.338			506.338			
10	Sửa chữa, cải tạo cơ sở hạ tầng và mua sắm thiết bị chuyên dùng Bệnh viện Sản - Nhi Kiên Giang	Tỉnh An Giang	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang		2026-2028	Số 3546/QĐ-UBND, 23/7/2026 của UBND tỉnh	49.985	49.985		-			49.985			49.985			0	0	49.985			49.985			
11	Đầu tư Bệnh viện Sản - Nhi An Giang được đấu nối cơ sở hạ tầng kỹ thuật (giai đoạn 3)	Tỉnh An Giang	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang		2026-2028	Số 3642/QĐ-UBND ngày 31/7/2026 của UBND tỉnh	38.919	38.919					38.919			38.919			0	0	38.919			38.919			
X	**LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC**						**139.355**	**139.355**	**-**	**-**	**-**	**-**	**139.355**	**139.355**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**0**	**139.355**	**139.355**	**-**	**-**	**-**	**-**	
1	Dự án Đầu tư xây dựng Hội trường UBND, Trung tâm đổi mới sáng tạo, khu vực trưng bày, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh và một số hạng mục phụ khác	Phường Rạch Giá	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang		2026-2029	Số 3503/QĐ-UBND, 22/7/2026 của UBND tỉnh	132.355	132.355		-			132.355	132.355					0	0	132.355	132.355					
2	Dự án Sửa chữa, nâng cấp trụ sở, mua sắm thiết bị phục vụ hoạt động của cơ quan Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang	Phường Rạch Giá	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang		2026-2028	Số 2636/QĐ-UBND ngày 05/6/2026 của UBND tỉnh	7.000	7.000		-			7.000	7.000					0	0	7.000	7.000					
XI	**DU LỊCH**						**19.000**	**19.000**	**-**	**-**	**-**	**-**	**19.000**	**19.000**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**0**	**19.000**	**19.000**	**-**	**-**	**-**	**-**	
1	Làm mới đường Bậc thang và các hạng mục phụ trợ lên đỉnh Núi Cấm	xã Núi Cấm	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang		2026-2028	205/QĐ-UBND 14/01/2026	19.000	19.000		-			19.000	19.000					0	0	19.000	19.000					
XII	**VĂN HÓA, THÔNG TIN**						**463.800**	**273.800**	**190.000**	**2.500**	**2.500**	**-**	**271.300**	**-**	**-**	**271.300**	**-**	**-**	**-**	**0**	**271.300**	**-**	**-**	**271.300**	**-**	**-**	
1	Đầu tư hệ thống nội thất và thiết bị trưng bày công trình Trung tâm triển lãm văn hóa nghệ thuật và bảo tồn di sản Văn hóa tỉnh	Phường Rạch Giá	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8009358	2022-2025	số 34/NQ-HĐND ngày 14/11/2021 của HĐND tỉnh;	83.800	83.800		2.500	2.500		81.300			81.300			0	0	81.300			81.300			
2	Dự án mở rộng khu vực mộ và đình Nguyễn Trung Trực	Phường Rạch Giá	UBND phường Rạch Giá		2026-2028	Số 143/QĐ-UBND ngày 09/7/2026 của UBND phường Rạch Giá	380.000	190.000	190.000				190.000			190.000			0	0	190.000			190.000			
XIII	**XÃ HỘI**						**35.012**	**35.012**	**-**	**150**	**150**	**-**	**34.000**	**-**	**-**	**34.000**	**-**	**-**	**-**	**0**	**34.000**	**-**	**-**	**34.000**	**-**	**-**	
1	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu mở rộng Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh An Giang	Xã An Châu	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang		2026-2028	Số 1097/QĐ-UBND ngày 26/6/2025	35.012	35.012		150	150		34.000			34.000			0	0	34.000			34.000			
X	**KHU CÔNG NGHIỆP VÀ KHU KINH TẾ**						**62.153**	**62.153**	**-**	**-**	**-**	**-**	**40.035**	**-**	**40.035**	**-**	**-**	**-**	**22.118**	**0**	**62.153**	**22.118**	**40.035**	**-**	**-**	**-**	
1	Hệ thống xử lý nước thải tập trung module 2 công suất 900 m3/ngày.đêm và hồ sự cố 1800 m3 khu công nghiệp Bình Hòa	Xã Bình Hòa	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang		2027-2029	số 3551/QĐ-UBND, 24/7/2026 của UBND tỉnh	40.035	40.035		-			40.035		40.035				0	0	40.035		40.035				
2	Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Bình Long	Xã Châu Phú	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang		2027-2029	số 4469/QĐ-UBND, 29/9/2026 của UBND tỉnh	22.118	22.118		-			-						22.118	0	22.118	22.118					

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Cơ quan đề xuất/Cơ quan đơn vị quản lý vốn	Mã số dự án đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định lệnh khẩn cấp (kể cả điều chỉnh *(nếu có)*)					Lũy kế vốn đã giải ngân từ đầu tư án đến hết kế hoạch năm 2025			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 -2030 nguồn vốn ngân sách địa phương (Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 28/8/2026)						Chênh lệch		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 -2030 nguồn vốn ngân sách địa phương (sau điều chỉnh)						Ghi chú
					Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:							TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác		Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương	Tăng	Giảm		Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương	
1	*2*	*3*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*
C	**CÁC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ KHÁC**						**12.315.759**	**12.315.759**	**-**	**-**	**-**	**-**	**38.294.153**	**10.143.340**	**7.314.826**	**16.633.038**	**3.582.773**	**620.176**	**6.209.027**	**(10.750.722)**	**33.752.458**	**11.173.753**	**2.961.131**	**16.173.968**	**2.823.430.00**	**620.176**	
I	**Hỗ trợ có mục tiêu**						**3.186.000**	**3.186.000**	**-**	**-**	**-**	**-**	**1.750.000**	**-**	**300.000**	**1.450.000**	**-**	**-**	**-**	**0**	**1.750.000**	**-**	**300.000**	**1.450.000**	**-**	**-**	
1	Hỗ trợ đầu tư và xây dựng đối với các đô thị động lực và các dự án có tính chất liên vùng, liên xã	Tỉnh An Giang			2026-2029	Số 245/QĐ-BQL ngày 28/11/2025 của Ban Quản lý Khu linh tế Phú Quốc	700.000	700.000	-	-	-	-	700.000	-	300.000	400.000	-	-	-	0	700.000	-	300.000	400.000	-	-	
2	Vốn ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội	Tỉnh An Giang	Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh An Giang		2026-2030	số 48/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh; Kế hoạch số 74/KH-UBND ngày 30/8/2025 của UBND tỉnh	2.436.000	2.436.000		-			1.000.000			1.000.000			0	0	1.000.000			1.000.000			
3	Cấp vốn điều lệ cho Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh	Tỉnh An Giang	Hội nông dân tỉnh An Giang		2026-2030	Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 24/10/2025; Đề án số 08-DA/HNDT ngày	50.000	50.000		-			50.000			50.000			0	0	50.000			50.000			
II	**DANH MỤC DỰ ÁN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ (phân bổ chi tiết khi đầy đủ thủ tục, hồ sơ theo quy định)**	**Tỉnh An Giang**	**DANH MỤC DỰ ÁN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ**		**2026-2030**		**300.000**	**300.000**		**-**			**300.000**	**300.000**					**0**	**0**	**300.000**	**300.000**					
III	**CHI TRẢ NỢ, LÃI TIỀN VAY; TRẢ NỢ GỐC CÁC KHOẢN VAY**	**Tỉnh An Giang**	**Sở Tài chính An Giang**		**2026-2030**		**269.420**	**269.420**		**-**			**269.420**	**269.420**					**0**	**0**	**269.420**	**269.420**					
IV	**Bố trí vốn đầu tư cho 102 xã, phường, đặc khu theo Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND ngày 21/5/2026 của HĐND tỉnh An Giang**	**Tỉnh An Giang**	**PHÂN BỔ THEO TIÊU CHÍ ĐỊNH MỨC 102 XÃ, PHƯỜNG, ĐẶC KHU**		**2026-2030**		**8.560.339**	**8.560.339**		**-**	**-**		**8.560.339**	**3.166.339**		**5.394.000**		**-**	**0**	**0**	**8.560.339**	**3.166.339**		**5.394.000**		**-**	**Chi tiết Phụ lục VI kèm theo**
V	**Ghi chi bồi thường, hỗ trợ, tái định cư**												**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**3.594.678**	**0**	**3.594.678**	**2.417.674**	**1.177.004**	**-**	**-**	**-**	
	Trong đó:																										
1	**Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách địa phương. Trong đó:**	**Đặc khu Phú Quốc**											**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**1.177.004**	**0**	**1.177.004**	**-**	**1.177.004**	**-**	**-**	**-**	**Công văn số 2653/AGI-CNTK ngày 29/9/2026 của Thuế tỉnh An Giang**
-	Dự án Bãi Đất Đỏ		UBND đặc khu Phú Quốc																195.532		195.532		195.532				
-	Dự án Núi Ông Quán		UBND đặc khu Phú Quốc																432.948		432.948		432.948				
-	Dự án khu đô thị cao cấp Đại Thành		UBND đặc khu Phú Quốc																262.162		262.162		262.162				
-	Dự án Khu nghỉ dưỡng phức hợp Enclave PQ		UBND đặc khu Phú Quốc																286.362		286.362		286.362				
2	**Chi đầu tư nguồn vốn trong nước (NSĐP) từ nguồn thu tiền thuê đất. Trong đó:**	**Đặc khu Phú Quốc**					-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**2.417.674**	**0**	**2.417.674**	**2.417.674**	-	-	-	-	**Công văn số 2653/AGI-CNTK ngày 29/9/2026 của Thuế tỉnh An Giang**
-	Dự án Bãi Đất Đỏ		UBND đặc khu Phú Quốc																1.931.503		1.931.503	1.931.503					
-	Dự án Núi Ông Quán		UBND đặc khu Phú Quốc																204.682		204.682	204.682					
-	Dự án cáp treo và quần thể vui chơi giải trí biển Hòn Thơm-Phú Quốc		UBND đặc khu Phú Quốc																62.607		62.607	62.607					
-	Dự án khu đô thị cao cấp Đại Thành		UBND đặc khu Phú Quốc																3.040		3.040	3.040					
-	Dự án Khu nghỉ dưỡng phức hợp Enclave PQ		UBND đặc khu Phú Quốc																84.832		84.832	84.832					
-	Dự án Khu du lịch sinh thái và dân cư Rạch Trạm		UBND đặc khu Phú Quốc																54.380		54.380	54.380					
-	Dự án Khu du lịch sinh thái Vũng Bầu		UBND đặc khu Phú Quốc																10.184		10.184	10.184					
-	Dự án Khu dân cư và đô thị Suối Lớn		UBND đặc khu Phú Quốc																66.446		66.446	66.446					
VI	**DANH MỤC HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU CHO CÁC XÃ, PHƯỜNG, ĐẶC KHU ĐỂ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN CÓ TÍNH CHẤT LIÊN VÙNG, LIÊN XÃ THEO KẾT LUẬN CỦA THƯỜNG TRỰC TỈNH ỦY, THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, THƯỜNG TRỰC ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**												**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**2.459.002**	**0**	**2.459.002**	**-**	**-**	**1.219.002**	**1.240.000**	**-**	
VI.1	**CHI TIẾT DANH MỤC DỰ ÁN HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU CHO CÁC XÃ, PHƯỜNG, ĐẶC KHU ĐỦ THỦ TỤC ĐẦU TƯ**																		**580.333**	**-**	**580.333**	**-**	**-**	**520.333**	**60.000**	**-**	
1	Xã Nhơn Hội		UBND xã Nhơn Hội										-	-	-	-	-	-	5.416	0	5.416	-	-	5.416	-	-	
	Trong đó:																										

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Cơ quan đề xuất/Cơ quan đơn vị quản lý vốn	Mã số dự án đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định lệnh khẩn cấp (kể cả điều chỉnh *(nếu có)*)					Lũy kế vốn đã giải ngân từ đầu tư án đến hết kế hoạch năm 2025			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 -2030 nguồn vốn ngân sách địa phương (Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 28/8/2026)						Chênh lệch		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 -2030 nguồn vốn ngân sách địa phương (sau điều chỉnh)						Ghi chú
					Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:					Tăng	Giảm	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác		Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương				Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương	
1	*2*	*3*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*
	Xây dựng cầu tạm qua rạch Bình Ghi, xã Nhơn Hội	Xã Nhơn Hội	UBND xã Nhơn Hội			1947/QĐ-UBND 22/9/2026 của UBND xã Nhơn Hội	5.416	5.416											5.416	0	5.416			5.416			
2	Phường Bình Đức		UBND phường Bình Đức										-	-	-	-	-	-	9.260	0	9.260	-	-	9.260	-	-	
	Trong đó:																										
	Tu bổ, tôn tạo di tích cách mạng "Địa điểm thành lập Đội Biệt Động Long Xuyên" (vường nhà Bà Bảy Khánh)	phường Bình Đức	UBND phường Bình Đức			12441/QĐ-UBND 15/9/2026 của UBND phường Bình Đức	9.260	9.260											9.260	0	9.260			9.260			
3	Phường Tân Châu												-	-	-	-	-	-	48.356	0	48.356			48.356	-	-	
	Trường Tiểu học Tân Châu, phân hiệu 2 (Trường Tiểu học Long Sơn cũ)	phường Tân Châu	UBND phường Tân Châu			2234/QĐ-UBND 14/9/2026 của UBND phường Tân Châu	48.356	48.356											48.356	0	48.356			48.356			
4	Phường Thới Sơn		UBND Phường Thới Sơn										-	-	-	-	-	-	6.000	0	6.000	-	-	6.000	-	-	
	Trong đó:																										
	Tu bổ, phục hồi di tích lịch sử cách mạng Hầm bí mật Văn phòng Huyện ủy huyện Tịnh Biên tại xã Nhơn Hưng cũ	Phường Thới Sơn	UBND Phường Thới Sơn		2026-2028	số 2354/QĐ-UBND ngày 15/9/2026 của UBND phường Thới Sơn	6.000	6.000											6.000	0	6.000			6.000			
5	Phường Vĩnh Thông												-	-	-	-	-	-	45.847	0	45.847			45.847	-	-	
	Trường tiểu học Mỹ Lâm 3	Phường Vĩnh Thông	UBND Phường Vĩnh Thông			3205/QĐ-UBND 14/9/2026 của UBND phường Vĩnh Thông	45.847	45.847											45.847	0	45.847			45.847			
6	Xã An Phú		UBND xã An Phú										-	-	-	-	-	-	9.719	0	9.719	-	-	9.719	-	-	
	Trong đó:																										
	Tu bổ, tôn tạo Di tích Đình Vĩnh Hội Đông	xã An Phú	UBND xã An Phú			1943/QĐ-UBND 16/9/2026 của UBND xã An Phú	9.719	9.719											9.719	0	9.719			9.719			
7	Xã Bình Hòa		UBND xã Bình Hòa										-	-	-	-	-	-	5.400	0	5.400	-	-	5.400	-	-	
	Trong đó:																										
	Tu bổ di tích Chùa Tân An	xã Bình Hòa	UBND xã Bình Hòa			2149/QĐ-UBND 15/9/2026 của UBND xã Bình Hoà	5.400	5.400											5.400	0	5.400			5.400			
8	Xã Hòa Thuận												-	-	-	-	-	-	40.000	0	40.000	-	-	40.000	-	-	
	Trong đó:																										
	Trường TH&THCS Hòa Thuận	xã Hoà Thuận	UBND xã Hoà Thuận			1503/QĐ-UBND 09/9/2026 của UBND xã Hoà Thuận	40.000	40.000					-	-	-	-	-	-	40.000	0	40.000			40.000			
9	Xã Kiên Lương		UBND xã Kiên Lương																8.000	0	8.000	-	-	8.000			
	Trong đó:												-	-	-	-	-	-									
	Cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND xã Kiên Lương	xã Kiên Lương	UBND xã Kiên Lương			2190/QĐ-UBND 15/9/2026 của UBND xã Kiên Lương	9.000	8.000											8.000	0	8.000			8.000			
10	Xã Châu Phong		UBND xã Châu Phong																4.500	0	4.500	-	-	4.500			
	Trong đó:												-	-	-	-	-	-									
	Tu sửa, phục hồi di tích lịch sử cách mạng cấp tỉnh Đình thần Vĩnh Phong	xã Châu Phong	UBND xã Châu Phong			1928/QĐ-UBND 14/9/2026 của UBND xã Châu Phong	4.500	4.500											4.500	0	4.500			4.500			
11	Xã Định Hòa																		33.000	0	33.000			33.000	-	-	
	Dự án chỉnh trang mở rộng, bến lên hàng đoạn trước UBND xã Định Hòa và Chợ Định Hòa	xã Định Hòa	UBND xã Định Hòa		2026-2028	2906/QĐ-UBND ngày 11/9/2026 của UBND xã Định Hoà	33.000	33.000					-	-	-	-	-	-	33.000	0	33.000			33.000			
12	Xã Long Điền																		28.500	0	28.500			28.500	-	-	
	Trong đó:												-	-	-	-	-	-									
	Tu bổ, phục hồi Di tích kiến trúc nghệ thuật Đình Chợ Thủ	Xã Long Điền	UBND Xã Long Điền			6923/QĐ-UBND 15/9/2026 của UBND xã Long Điền	28.500	28.500											28.500	0	28.500			28.500			
13	Xã Long Thạnh		UBND xã Long Thạnh										-	-	-	-	-	-	13.000	0	13.000	-	-	13.000	-	-	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Cơ quan đề xuất/Cơ quan đơn vị quản lý vốn	Mã số dự án đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định lệnh khẩn cấp (kể cả điều chỉnh *(nếu có)*)					Lũy kế vốn đã giải ngân từ đầu tư án đến hết kế hoạch năm 2025			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 -2030 nguồn vốn ngân sách địa phương (Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 28/8/2026)						Chênh lệch		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 -2030 nguồn vốn ngân sách địa phương (sau điều chỉnh)							Ghi chú
					Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						TRONG ĐÓ:								TRONG ĐÓ:						
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác	TỔNG SỐ	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương	Tăng	Giảm	TỔNG SỐ	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương	
1	*2*	*3*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*
	Trong đó:																										
	Trường TH và THCS Danh Thợi	xã Long Thạnh	UBND xã Long Thạnh			2105/QĐ-UBND 08/9/2026 của UBND xã Long Thạnh	10.000	10.000											13.000	0	13.000			13.000			
14	Xã Ngọc Chúc						26.494	26.494					-	-	-	-	-	-	26.494	0	26.494			26.494	-	-	
	Trong đó:																										
	Trường Tiểu học Ngọc Chúc	Xã Ngọc Chúc	UBND Xã Ngọc Chúc			2216/QĐ-UBND 10/9/2026 của UBND xã Ngọc Chúc	26.494	26.494					-	-	-	-	-	-	26.494	0	26.494			26.494			
15	xã Phú Tân		UBND xã Phú Tân																10.260	0	10.260	-	-	10.260	-	-	
	Trong đó:																										
	Trường tiểu học B Phú Mỹ (giai đoạn 2)	xã Phú Tân	UBND xã Phú Tân		2026-2028	7093/QĐ-UBND 14/9/2026 của UBND xã Phú Tân	10.320	10.320					-	-	-	-	-	-	10.260	0	10.260			10.260			
16	Xã Tân An		UBND xã Tân An																2.700	0	2.700	-	-	2.700	-	-	
	Trong đó:																										
	Tu bổ Di tích lịch sử cách mạng Giồng Trà Dên	xã Tân An	UBND xã Tân An			2771/QĐ-UBND 15/9/2026 của UBND xã Tân An	2.700	2.700					-	-	-	-	-	-	2.700	0	2.700			2.700			
17	UBND Xã Sơn Kiên																		30.000	0	30.000			30.000	-	-	
	Tu bổ, tôn tạo di tích Đền thờ Đức thánh Trần Hưng Đạo	xã Sơn Kiên	UBND xã Sơn Kiên			Số 1469/QĐ-UBND ngày 14/9/2026 của UBND xã Sơn Kiên	30.000	30.000					-	-	-	-	-	-	30.000	0	30.000			30.000			
18	Xã Thạnh Đông																		32.500	0	32.500	-	-	32.500	-	-	
	Trong đó:																										
	Trường TH và THCS Thạnh Đông	Xã Thạnh Đông	UBND Xã Thạnh Đông		2027-2029	số 2697/QĐ-UBND ngày 18/9/2026 của UBND xã Thạnh Đông	32.500	32.500					-	-	-	-	-	-	32.500	0	32.500			32.500			
19	Xã Vân Khánh																		25.000	0	25.000			25.000	-	-	
	Trong đó:												-	-	-	-	-	-									
	Dự án trường Tiểu học Vân Khánh 2	xã Vân Khánh	UBND xã Vân Khánh			1362/QĐ-UBND 14/9/2026 của UBND xã Vân Khánh	25.000	25.000											25.000	0	25.000			25.000			
20	Xã Vĩnh Hòa		UBND xã Vĩnh Hoà				24.900	24.900											24.900	0	24.900			24.900	-	-	
	Trong đó:												-	-	-	-	-	-									
	Trường Tiểu học Thạnh Yên 1	xã Vĩnh Hoà	UBND xã Vĩnh Hoà			2209/QĐ-UBND ngày 29/9/2026	24.900	24.900											24.900	0	24.900			24.900			
21	Phường Long Xuyên																		63.481	0	63.481			63.481	-	-	
	Trong đó:																										
	Dự án ĐTXD trường THCS Nguyễn Trãi	P.Long Xuyên	UBND Phường Long Xuyên			6495/QĐ-UBND 15/9/2026 của UBND phường Long Xuyên	24.450	24.450											24.450	0	24.450			24.450			
	Dự án ĐTXD trường THCS Lý Thường Kiệt	P.Long Xuyên	UBND Phường Long Xuyên			6496/QĐ-UBND 15/9/2026 của UBND phường Long Xuyên	39.031	39.031											39.031	0	39.031			39.031			
22	Xã Đông Hòa												-	-	-	-	-	-	48.000	0	48.000			48.000			
	Trường THCS Đông Hoà 2	Xã Đông Hoà	UBND Xã Đông Hoà			Số 1768/QĐ-UBND ngày 15/9/2026 của UBND xã Đông Hoà	48.000	48.000											48.000	0	48.000			48.000			
23	Xã An Biên	Xã An Biên	UBND Xã An Biên																20.000	0	20.000				20.000		
	Trong đó:																										
+	Dự án Trường THCS Thứ Ba (THCS Thứ Ba 2 cũ)	Xã An Biên	UBND Xã An Biên			QĐ 2379 (QĐ-UBND xã An Biên ngày 16/10/2026)		9.000											9.000	0	9.000				9.000		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Cơ quan đề xuất/Cơ quan đơn vị quản lý vốn	Mã số dự án đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định lệnh khẩn cấp (kể cả điều chỉnh *(nếu có)*)					Lũy kế vốn đã giải ngân từ đầu tư án đến hết kế hoạch năm 2025			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 -2030 nguồn vốn ngân sách địa phương (Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 28/8/2026)						Chênh lệch		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 -2030 nguồn vốn ngân sách địa phương (sau điều chỉnh)							Ghi chú
					Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:					Tăng	Giảm	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:						
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác		Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương				Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương	
1	*2*	*3*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*
+	Dự án: Trường TH Hưng Yên (Trường TH Hưng Yên 2 cũ điểm lẻ)	Xã An Biên	UBND Xã An Biên			QĐ số 2378 (QĐ-UBND xã An Biên ngày 16/10/2026)		11.000											11.000	0	11.000				11.000		
24	Xã Vĩnh Hoà Hưng	Xã Vĩnh Hoà Hưng	UBND Xã Vĩnh Hoà Hưng																40.000	0	40.000	-	-	-	40.000		
	Trong đó:																										
+	Dự án Cầu phà Chín Nhung - Chùa Bửu Quang (cầu đấu nối ĐT.963D với Quốc lộ 61), xã Vĩnh Hòa Hưng	Xã Vĩnh Hoà Hưng	UBND Xã Vĩnh Hoà Hưng		2026-2028	Số 2176/QĐ-UBND ngày 27/10/2026 của UBND xã Vĩnh Hoà Hưng	40.000	40.000											40.000	0	40.000				40.000		
VI.2	**HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU CHO CÁC XÃ, PHƯỜNG, ĐẶC KHU CÒN LẠI**							.											**1.878.669**	**0**	**1.878.669**	**-**	**-**	**698.669**	**1.180.000**	**-**	
VII	**Đối ứng vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia**	**Tỉnh An Giang**											**3.500.000**	**2.000.000**	**1.500.000**	**-**	**-**	**-**	**0**	**-607.611**	**2.892.389**	**1.568.959**	**-**	**-**	**1.323.430**	**-**	
	Trong đó:																										
VII.1	**Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035, giai đoạn I từ năm 2025 đến năm 2030**	**tỉnh An Giang**											-	-	-	-	-	-			**48.000**	**48.000**	**-**	**-**	**-**	**-**	
VII.1.1	**Dự án Tu bổ di tích cấp quốc gia, quốc gia đặc biệt**												-	-	-	-	-	-			**34.155**	**34.155**	**-**	**-**	**-**	**-**	
1	UBND xã Mỹ Hòa Hưng	Xã Mỹ Hòa Hưng	UBND xã Mỹ Hòa Hưng																		1.962	1.962					
2	UBND xã Ba Chúc	Xã Ba Chúc	UBND xã Ba Chúc																		14.769	14.769					
3	UBND phường Thới Sơn	Phường Thới Sơn	UBND phường Thới Sơn																		3.462	3.462					
4	UBND phường Hà Tiên	Phường Hà Tiên	UBND phường Hà Tiên																		1.615	1.615					
5	UBND phường Rạch Giá	Phường Rạch Giá	UBND phường Rạch Giá																		3.462	3.462					
6	UBND xã Tri Tôn	Xã Tri Tôn	UBND xã Tri Tôn																		1.846	1.846					
7	UBND phường Rạch Giá	Phường Rạch Giá	UBD phường Rạch Giá Giá																		3.462	3.462					
8	UBND xã Thạnh Mỹ Tây	Xã Thạnh Mỹ Tây	UBND xã Thạnh Mỹ Tây																		3.577	3.577					
VII.1.2	**Dự án Xây dựng và cải tạo, nâng cấp thiết chế văn hóa cơ sở hiện có**												-	-	-	-	-	-			**1.498**	**1.498**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Cải tạo, nâng cấp các Trung tâm Văn hóa - Thể thao (Trung tâm Dịch vụ tổng hợp)												-	-	-	-	-	-			1.498	1.498	-	-	-	-	
	UBND Xã An Châu	Xã An Châu	UBND Xã An Châu																		214	214					
	UBND Xã An Minh	Xã An Minh	UBND Xã An Minh																		214	214					
	UBND Xã Châu Thành	Xã Châu Thành	UBND Xã Châu Thành																		214	214					
	UBND Xã Chợ Mới	Xã Chợ Mới	UBND Xã Chợ Mới																		214	214					
	UBND Xã Kiên Lương	Xã Kiên Lương	UBND Xã Kiên Lương																		214	214					
	UBND Xã Tân Hiệp	Xã Tân Hiệp	UBND Xã Tân Hiệp																		214	214					
	UBND Xã Thoại Sơn	Xã Thoại Sơn	UBND Xã Thoại Sơn																		214	214					
VII.1.3	**Dự án Xây dựng mới các thiết chế văn hóa cơ sở**												-	-	-	-	-	-			**12.347**	**12.347**	**-**	**-**	**-**	**-**	
1	Đầu tư xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao (Trung tâm Dịch vụ tổng hợp) cấp xã đạt chuẩn theo quy định	Các xã chưa có Trung tâm Dịch vụ tổng hợp đạt chuẩn											-	-	-	-	-	-			6.924	6.924	-	-	-	-	
	UBND Xã Củ Lao Giêng		UBND Xã Củ Lao Giêng																		1.154	1.154					
	UBND Xã Vĩnh Hòa		UBND Xã Vĩnh Hòa																		1.154	1.154					
	UBND Xã Phú Hòa		UBND Xã Phú Hòa																		1.154	1.154					
	UBND Xã Mỹ Hòa Hưng		UBND Xã Mỹ Hòa Hưng																		1.154	1.154					
	UBND Xã Định Mỹ		UBND Xã Định Mỹ																		1.154	1.154					
	UBND Xã Vĩnh Trạch		UBND Xã Vĩnh Trạch																		1.154	1.154					

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Cơ quan đề xuất/Cơ quan đơn vị quản lý vốn	Mã số dự án đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định lệnh khẩn cấp (kể cả điều chỉnh *(nếu có)*)					Lũy kế vốn đã giải ngân từ đầu tư án đến hết kế hoạch năm 2025			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 -2030 nguồn vốn ngân sách địa phương (Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 28/8/2026)						Chênh lệch		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 -2030 nguồn vốn ngân sách địa phương (sau điều chỉnh)						Ghi chú
					Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:					Tăng	Giảm	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác		Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương				Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương	
1	*2*	*3*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*
2	**Đầu tư xây dựng Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn (ấp) đạt chuẩn theo quy định; hỗ trợ nâng cấp các Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn (ấp) còn lại đạt chuẩn theo quy định**												**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**			**5.423**	**5.423**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	UBND Xã An Châu		UBND Xã An Châu																		479	479					
	UBND Xã An Minh		UBND Xã An Minh																		372	372					
	UBND Xã Châu Thành		UBND Xã Châu Thành																		292	292					
	UBND Xã Chợ Mới		UBND Xã Chợ Mới																		638	638					
	UBND Xã Kiên Lương		UBND Xã Kiên Lương																		479	479					
	UBND Xã Tân Hiệp		UBND Xã Tân Hiệp																		638	638					
	UBND Xã Thoại Sơn		UBND Xã Thoại Sơn																		346	346					
	UBND Xã Củ Lao Giêng		UBND Xã Củ Lao Giêng																		558	558					
	UBND Xã Vĩnh Hòa		UBND Xã Vĩnh Hòa																		505	505					
	UBND Xã Phú Hòa		UBND Xã Phú Hòa																		213	213					
	UBND Xã Mỹ Hòa Hưng		UBND Xã Mỹ Hòa Hưng																		239	239					
	UBND Xã Định Mỹ		UBND Xã Định Mỹ																		372	372					
	UBND Xã Vĩnh Trạch		UBND Xã Vĩnh Trạch																		292	292					
VII.2	**Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030**	**tỉnh An Giang**											**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**			**2.844.389**	**1.520.959**	**-**	**-**	**1.323.430**	**-**	
	Trong đó:																										
1	UBND xã An Biên	An Biên	UBND xã An Biên																		30.777				30.777		
2	UBND xã An Châu	An Châu	UBND xã An Châu																		30.778				30.778		
3	UBND xã An Cư	An Cư	UBND xã An Cư																		30.777				30.777		
4	UBND xã An Minh	An Minh	UBND xã An Minh																		30.777				30.777		
5	UBND xã An Phú	An Phú	UBND xã An Phú																		30.777				30.777		
6	UBND xã Ba Chúc	Ba Chúc	UBND xã Ba Chúc																		30.777				30.777		
7	UBND xã Bình An	Bình An	UBND xã Bình An																		30.777				30.777		
8	UBND xã Bình Giang	Bình Giang	UBND xã Bình Giang																		30.777				30.777		
9	UBND xã Bình Hòa	Bình Hòa	UBND xã Bình Hòa																		30.778				30.778		
10	UBND xã Bình Mỹ	Bình Mỹ	UBND xã Bình Mỹ																		30.778				30.778		
11	UBND xã Bình Sơn	Bình Sơn	UBND xã Bình Sơn																		30.777				30.777		
12	UBND xã Bình Thạnh Đông	Bình Thạnh Đông	UBND xã Bình Thạnh Đông																		30.778				30.778		
13	UBND xã Cần Đăng	Cần Đăng	UBND xã Cần Đăng																		30.778				30.778		
14	UBND xã Châu Phong	Châu Phong	UBND xã Châu Phong																		30.777				30.777		
15	UBND xã Châu Phú	Châu Phú	UBND xã Châu Phú																		30.778				30.778		
16	UBND xã Châu Thành	Châu Thành	UBND xã Châu Thành																		30.778				30.778		
17	UBND xã Chợ Mới	Chợ Mới	UBND xã Chợ Mới																		30.778				30.778		
18	UBND xã Chợ Vàm	Chợ Vàm	UBND xã Chợ Vàm																		30.778				30.778		
19	UBND xã Cô Tô	Cô Tô	UBND xã Cô Tô																		30.777				30.777		
20	UBND xã Củ Lao Giêng	Củ Lao Giêng	UBND xã Củ Lao Giêng																		30.777				30.777		
21	UBND xã Định Hòa	Định Hòa	UBND xã Định Hòa																		30.777				30.777		
22	UBND xã Định Mỹ	Định Mỹ	UBND xã Định Mỹ																		30.778				30.778		
23	UBND xã Đông Hòa	Đông Hòa	UBND xã Đông Hòa																		30.777				30.777		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Cơ quan đề xuất/Cơ quan đơn vị quản lý vốn	Mã số dự án đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định lệnh khẩn cấp (kể cả điều chỉnh *(nếu có)*)					Lũy kế vốn đã giải ngân từ đầu tư án đến hết kế hoạch năm 2025			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 -2030 nguồn vốn ngân sách địa phương (Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 28/8/2026)						Chênh lệch		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 -2030 nguồn vốn ngân sách địa phương (sau điều chỉnh)							Ghi chú
					Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:					Tăng	Giảm	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:						
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác					Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương				Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương	
1	*2*	*3*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*
24	UBND xã Đông Hưng	Đông Hưng	UBND xã Đông Hưng																		30.777				30.777		
25	UBND xã Đông Thái	Đông Thái	UBND xã Đông Thái																		30.777				30.777		
26	UBND xã Giang Thành	Giang Thành	UBND xã Giang Thành																		30.777				30.777		
27	UBND xã Giồng Riềng	Giồng Riềng	UBND xã Giồng Riềng																		30.778				30.778		
28	UBND xã Gò Quao	Gò Quao	UBND xã Gò Quao																		30.778				30.778		
29	UBND xã Hòa Điền	Hòa Điền	UBND xã Hòa Điền																		30.778				30.778		
30	UBND xã Hòa Hưng	Hòa Hưng	UBND xã Hòa Hưng																		30.777				30.777		
31	UBND xã Hòa Lạc	Hòa Lạc	UBND xã Hòa Lạc																		30.778				30.778		
32	UBND xã Hòa Thuận	Hòa Thuận	UBND xã Hòa Thuận																		30.778				30.778		
33	UBND xã Hội An	Hội An	UBND xã Hội An																		30.778				30.778		
34	UBND xã Hòn Đất	Hòn Đất	UBND xã Hòn Đất																		30.777				30.777		
35	UBND xã Hòn Nghệ	Hòn Nghệ	UBND xã Hòn Nghệ																		30.777				30.777		
36	UBND xã Khánh Bình	Khánh Bình	UBND xã Khánh Bình																		30.777				30.777		
37	UBND xã Kiên Lương	Kiên Lương	UBND xã Kiên Lương																		30.777				30.777		
38	UBND xã Long Điền	Long Điền	UBND xã Long Điền																		30.778				30.778		
39	UBND xã Long Kiến	Long Kiến	UBND xã Long Kiến																		30.778				30.778		
40	UBND xã Long Thạnh	Long Thạnh	UBND xã Long Thạnh																		30.777				30.777		
41	UBND xã Mỹ Đức	Mỹ Đức	UBND xã Mỹ Đức																		30.778				30.778		
42	UBND xã Mỹ Hòa Hưng	Mỹ Hòa Hưng	UBND xã Mỹ Hòa Hưng																		30.777				30.777		
43	UBND xã Mỹ Thuận	Mỹ Thuận	UBND xã Mỹ Thuận																		30.777				30.777		
44	UBND xã Ngọc Chúc	Ngọc Chúc	UBND xã Ngọc Chúc																		30.777	30.777					
45	UBND xã Nhơn Hội	Nhơn Hội	UBND xã Nhơn Hội																		30.777	30.777					
46	UBND xã Nhơn Mỹ	Nhơn Mỹ	UBND xã Nhơn Mỹ																		30.778	30.778					
47	UBND xã Núi Cấm	Núi Cấm	UBND xã Núi Cấm																		30.777	30.777					
48	UBND xã Ô Lâm	Ô Lâm	UBND xã Ô Lâm																		30.777	30.777					
49	UBND xã Óc Eo	Óc Eo	UBND xã Óc Eo																		30.777	30.777					
50	UBND xã Phú An	Phú An	UBND xã Phú An																		30.778	30.778					
51	UBND xã Phú Hòa	Phú Hòa	UBND xã Phú Hòa																		30.778	30.778					
52	UBND xã Phú Hữu	Phú Hữu	UBND xã Phú Hữu																		30.777	30.777					
53	UBND xã Phú Lâm	Phú Lâm	UBND xã Phú Lâm																		30.778	30.778					
54	UBND xã Phú Tân	Phú Tân	UBND xã Phú Tân																		30.778	30.778					
55	UBND xã Sơn Kiên	Sơn Kiên	UBND xã Sơn Kiên																		30.777	30.777					
56	UBND xã Sơn Hải	Sơn Hải	UBND xã Sơn Hải																		30.777	30.777					
57	UBND xã Tân An	Tân An	UBND xã Tân An																		30.778	30.778					
58	UBND xã Tân Hiệp	Tân Hiệp	UBND xã Tân Hiệp																		30.778	30.778					
59	UBND xã Tân Hội	Tân Hội	UBND xã Tân Hội																		30.778	30.778					

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Cơ quan đề xuất/Cơ quan đơn vị quản lý vốn	Mã số dự án đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định lệnh khẩn cấp (kể cả điều chỉnh *(nếu có)*)					Lũy kế vốn đã giải ngân từ đầu tư án đến hết kế hoạch năm 2025			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 -2030 nguồn vốn ngân sách địa phương (Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 28/8/2026)						Chênh lệch		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 -2030 nguồn vốn ngân sách địa phương (sau điều chỉnh)							Ghi chú
					Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:					Tăng	Giảm	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:						
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác					Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương				Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương	
1	*2*	*3*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*
60	UBND xã Tân Thạnh	Tân Thạnh	UBND xã Tân Thạnh																		30.777	30.777					
61	UBND xã Tây Phú	Tây Phú	UBND xã Tây Phú																		30.778	30.778					
62	UBND xã Tây Yên	Tây Yên	UBND xã Tây Yên																		30.777	30.777					
63	UBND xã Thạnh Đông	Thạnh Đông	UBND xã Thạnh Đông																		30.778	30.778					
64	UBND xã Thạnh Hưng	Thạnh Hưng	UBND xã Thạnh Hưng																		30.778	30.778					
65	UBND xã Thạnh Lộc	Thạnh Lộc	UBND xã Thạnh Lộc																		30.778	30.778					
66	UBND xã Thạnh Mỹ Tây	Thạnh Mỹ Tây	UBND xã Thạnh Mỹ Tây																		30.778	30.778					
67	UBND xã Thoại Sơn	Thoại Sơn	UBND xã Thoại Sơn																		30.778	30.778					
68	UBND xã Tri Tôn	Tri Tôn	UBND xã Tri Tôn																		30.777	30.777					
69	UBND xã Tiên Hải	Tiên Hải	UBND xã Tiên Hải																		30.777	30.777					
70	UBND xã U Minh Thượng	U Minh Thượng	UBND xã U Minh Thượng																		30.777	30.777					
71	UBND xã Vân Khánh	Vân Khánh	UBND xã Vân Khánh																		30.777	30.777					
72	UBND xã Vĩnh An	Vĩnh An	UBND xã Vĩnh An																		30.778	30.778					
73	UBND xã Vĩnh Bình	Vĩnh Bình	UBND xã Vĩnh Bình																		30.777	30.777					
74	UBND xã Vĩnh Điều	Vĩnh Điều	UBND xã Vĩnh Điều																		30.777	30.777					
75	UBND xã Vĩnh Gia	Vĩnh Gia	UBND xã Vĩnh Gia																		30.777	30.777					
76	UBND xã Vĩnh Hanh	Vĩnh Hanh	UBND xã Vĩnh Hanh																		30.779	30.779					
77	UBND xã Vĩnh Hậu	Vĩnh Hậu	UBND xã Vĩnh Hậu																		30.777	30.777					
78	UBND xã Vĩnh Hòa	Vĩnh Hòa	UBND xã Vĩnh Hòa																		30.777	30.777					
79	UBND xã Vĩnh Hòa Hưng	Vĩnh Hòa Hưng	UBND xã Vĩnh Hòa Hưng																		30.777	30.777					
80	UBND xã Vĩnh Phong	Vĩnh Phong	UBND xã Vĩnh Phong																		30.778	30.778					
81	UBND xã Vĩnh Thạnh Trung	Vĩnh Thạnh Trung	UBND xã Vĩnh Thạnh Trung																		30.778	30.778					
82	UBND xã Vĩnh Thuận	Vĩnh Thuận	UBND xã Vĩnh Thuận																		30.777	30.777					
83	UBND xã Vĩnh Trạch	Vĩnh Trạch	UBND xã Vĩnh Trạch																		30.778	30.778					
84	UBND xã Vĩnh Tuy	Vĩnh Tuy	UBND xã Vĩnh Tuy																		30.778	30.778					
85	UBND xã Vĩnh Xương	Vĩnh Xương	UBND xã Vĩnh Xương																		30.777	30.777					
86	UBND Phường Chi Lăng	Phường Chi Lăng	UBND Phường Chi Lăng																		30.777	30.777					
87	Xã xây dựng nông thôn mới hiện đại	Tỉnh An Giang	Tỉnh An Giang																		197.527	197.527					
VIII	**Thanh toán công nợ sau quyết toán**	**Tỉnh An Giang**	**Tỉnh An Giang**																**155.347**	**0**	**155.347**				**155.347**		Kèm theo Phụ lục IV.1 danh mục chi tiết
IX	**Chương trình, nhiệm vụ, dự án khác chưa đủ điều kiện bố trí vốn, sau khi đủ điều kiện sẽ trình HĐND tỉnh phân bổ chi tiết theo quy định**	**Tỉnh An Giang**											**23.914.394**	**4.407.581**	**5.514.826**	**9.789.038**	**3.582.773**	**620.176**	**0**	**-10.143.111**	**13.771.283**	**3.451.361**	**1.484.127**	**8.110.966**	**104.653**	**620.176**	